

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13, ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;

Căn cứ Biên bản số: 751/BB-ĐHĐCĐ, ngày 26/4/2019 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty CP than Mông Dương - Vinacomin,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo Sản xuất kinh doanh năm 2018 và Kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2019;

Điều 2. Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2018;

Điều 3. Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam- Chi nhánh Hà Nội;

Điều 4. Thông qua Phương án phân chia lợi nhuận 2018 và đề xuất mức lợi tức 2019, cụ thể:

3.1. Năm 2018, Lợi nhuận của Công ty được phân phối như sau:

TT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ	Số tiền
I	Lợi nhuận sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		21.748.793.423
1	Chia cổ tức cho cổ đông hiện hữu (6%)	6%*VĐL	12.851.007.600
II	Lợi nhuận còn lại bổ sung các quỹ	I - 1	8.897.785.823
2	Quỹ đầu tư phát triển	0%*II	-
3	Quỹ dự phòng tài chính		
III	Tổng quỹ lương dự kiến được quyết toán năm 2018		526.217.712.405
4	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	II-2-4	8.524.829.573
IV	Tổng quỹ lương viên chức dự kiến được quyết toán năm 2018		2.983.650.000
4	Quỹ thưởng ban Điều hành	1,5 tháng lương BQ	372.956.250
V	Số lợi nhuận còn lại sau khi đã chia cổ tức và trích các quỹ trên		-

3.2. Thời điểm chốt danh sách cổ đông và chi trả cổ tức bằng tiền cho các cổ đông vào cuối quý II năm 2019. Đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị tổ chức hoàn tất thủ tục và chi trả theo Luật Chứng khoán và Luật Kế toán Tài chính hiện hành.

3.3. Kế hoạch trả cổ tức năm 2019: Mức trả cổ tức dự kiến: 6%, phần đầu 8% trên vốn điều lệ. Mức cổ tức chi trả thực tế của năm 2019 sẽ được biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông năm 2020 trên cơ sở kết quả SXKD năm 2019

Điều 5. Thông qua việc chi, trả tiền lương đối với người quản lý và thù lao không chuyên trách năm 2018 và Kế hoạch 2019; cụ thể:

4.1. Thực hiện năm 2018:

TT	Chức danh	Số người	Tổng số (Tr. Đồng)	Trong đó:		Ghi chú
				Lương	Thù lao	
1	Hội đồng Quản trị	5	281,0		281,0	
2	Ban Kiểm soát	3	417,5	278,9	138,6	
3	Ban Giám đốc	7	2.859	2.859		
	Tổng số		3.557,5	3.137,9	419,6	

4.2. Kế hoạch năm 2019:

TT	Chức danh	Số người	Tổng số (Tr. Đồng)	Trong đó:		Ghi chú
				Lương	Thù lao	
1	Hội đồng Quản trị	05	281,0		281,0	
-	Chủ tịch HĐQT	01	64,8		64,8	
-	Ủy viên HĐQT	04	216,2		216,2	
2	Ban Kiểm soát	03	387,8	249,2	138,6	
-	Trưởng ban kiểm soát (kiêm nhiệm), xếp bậc 2/2 thang bảng lương của TKV.	01	55,2		55,2	
-	UV Ban kiểm soát	02	83,4		83,4	
3	Ban Giám đốc	07	2.949	2.949		
4	Thư ký Công ty	1	50,4		50,4	
	Tổng số		4.087,8	3.198,2	889,6	

*** Phương thức chi trả:**

- Tiền lương, thù lao tháng = Tiền lương, thù lao năm /12 tháng;
- Hàng tháng các thành viên HĐQT, BKS, BGĐ Công ty được tạm ứng 80% mức tiền lương, thù lao tháng; Số còn lại được quyết toán vào cuối năm trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều 6. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát giám sát công tác quản lý Công ty của HĐQT, Giám đốc điều hành năm 2018

Điều 7. Thông qua Báo cáo của ban Kiểm soát về thẩm định Báo cáo tài chính năm 2018 đã được Kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam Chi nhánh Hà Nội.

Điều 8. Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH PKF Việt Nam là đơn vị kiểm toán báo cáo năm tài chính 2019 của Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin với các thông tin sau:

Tên Công ty kiểm toán độc lập: Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Trụ sở chính: Số 1- Nguyễn Huy Tưởng- Phường Thanh Xuân Trung- Quận Thanh Xuân- Thành phố Hà Nội

ĐT: +84 24 664 4488 FAX: +84 24 664 2233

Điều 9. Thông qua việc chấp thuận cho cổ đông Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam không phải thực hiện các thủ tục chào mua công khai cổ phiếu Công ty (Chi tiết theo Phụ lục Tờ trình đính kèm)

Điều 10. Thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh
Thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc để tiến hành các thủ tục đăng ký với Cơ quan đăng ký kinh doanh.

DANH MỤC NGÀNH NGHỀ BỔ SUNG

STT	Tên ngành, nghề	Mã ngành, nghề
1	Truyền tải và phân phối điện	3512

Điều 11. Điều khoản thi hành:

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin năm 2019 thông qua một cách hợp pháp và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2019.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện một cách cẩn trọng và có trách nhiệm những nội dung đã được thông qua trong Nghị quyết này, đảm bảo lợi ích các cổ đông, của Công ty và phù hợp với các quy định của Pháp luật./.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Nơi nhận:

- UBCK Nhà nước, Sở GDCK Hà Nội, TTLK Việt Nam, TKV (b/c);
- Các cán bộ quản lý; Các cổ đông của Công ty;
- Các đơn vị, phòng ban; Bộ phận CNTT đăng trên trang Web;
- Lưu: VT; HĐQT.



Phạm Công Hương
CHỦ TỊCH HĐQT

BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG- VINACOMIN

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Than Mông Dương- Vinacomin;
- Địa chỉ trụ sở: Phường Mông Dương, TP Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 5700101203 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng ninh cấp ngày 02 tháng 01 năm 2008;
- Hôm nay, vào hồi 7h30' ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại Hội trường Công ty Cổ phần Than Mông Dương- Vinacomin, Phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh. Công ty đã tiến hành tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.
- Thành phần tham dự Đại hội gồm:
 - + Các thành viên Hội đồng Quản trị, ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và các cổ đông của Công ty.
 - + Đại diện Công ty Kiểm toán, Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018: Công ty TNHH PKF Việt Nam.
 - + Tham dự đại hội có: 78 cổ đông là sở hữu và đại diện cho 17.465.107 cổ phần, chiếm 81,58% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

**ĐẠI HỘI ĐÃ DIỄN RA THEO TRÌNH TỰ
VÀ BAO GỒM NHỮNG NỘI DUNG SAU ĐÂY**

I. Trình tự tiến hành họp Đại hội

- 1. Chủ tọa Đại hội:** Ông Phạm Công Hương- Chủ tịch HĐQT Công ty.
- 2. Đề cử Thư ký Đại hội:** Ông Phạm Công Hương, Chủ tọa Đại hội đề cử (1) ông Lê Thế Anh - Bí thư ĐTN Công ty; (2) bà Phùng Thị Dung – Cán bộ Văn phòng làm Thư ký ghi Biên bản, Nghị quyết Đại hội và đã được Đại hội nhất trí thông qua.
- 3. Đề xuất tổ giúp việc và kiểm phiếu cho Đại hội:** Ông Phạm Công Hương, Chủ tọa Đại hội đề xuất ông Hoàng Kim Cương và nhóm giúp việc Đại hội vào Ban kiểm phiếu. Ông Hoàng Kim Cương là trưởng ban kiểm phiếu và tổ giúp việc; đã được Đại hội nhất trí thông qua

4. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông: Thay mặt Ban Kiểm tra tư cách cổ đông Đại hội, ông Hoàng Kim Cương- Trưởng ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự:

(1) Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện 100% vốn điều lệ của Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin là: 21.418.346 cổ phần; do 2.067 cổ đông sở hữu và đại diện. Trong đó: 27 cổ đông là tổ chức (trong nước là: 16 cổ đông; tổ chức nước ngoài là: 11 cổ đông) và 2.040 cổ đông là cá nhân.

(2) Tổng số cổ đông sở hữu và đại diện sở hữu được mời tham dự Đại hội là 2.067/2.067 cổ đông. Đăng ký tham dự đại hội 67 người sở hữu và đại diện theo ủy quyền 17.230.389 cổ phần tương ứng 81,38 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Than Mông Dương- Vinacomin.

(3) Số cổ đông sở hữu và Người được uỷ quyền có mặt tham dự Đại hội là 78 cổ đông, sở hữu, đại diện và ủy quyền 17.465.107 cổ phần chiếm 81,54% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần than Mông Dương - Vinacomin.

(4) Chủ tọa kết luận: Căn cứ Khoản 1 Điều 141 Luật Doanh nghiệp 68/2014, Điều 13 Điều lệ Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin; Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty đủ điều kiện để tiến hành họp Đại hội.

II. Thông qua Chương trình và Quy chế làm việc của Đại hội:

Ban tổ chức Đại hội trình bày Chương trình và dự thảo Quy chế làm việc của Đại hội:

1. Đại hội đã nhất trí 100% thông qua Chương trình làm việc.

2. Đại Hội đã nhất trí 100% thông qua dự thảo quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của Luật doanh nghiệp 68/2014, và Giao cho Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện các nội dung của quy chế, với một số nội dung cơ bản như sau:

+ Đại hội được tiến hành khi có số Người dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội.

+ Trừ các nội dung ghi tại Khoản 3 Điều 21 Điều lệ Công ty, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông đồng ý tán thành.

III. Thực hiện các nội dung chương trình nghị sự của Đại hội:

1. Báo cáo của Ban Giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018; Nhiệm vụ và giải pháp điều hành năm 2019 do ông Nguyễn Quế Thanh, Ủy viên Hội đồng quản trị- Giám đốc Công ty trình bày: (Theo nội dung báo cáo số /BC-TMD ngày /4/2019 đính kèm)

Trong đó có một số chỉ tiêu Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019:

TT	Danh mục	ĐVT	KHPL2019	Ghi chú
			(CV6736/TKV)	
A	Sản xuất			
I	Than sản xuất	Tấn	1.550.000	
1	Than hầm lò	Tấn	1.400.000	
2	Than Lộ thiên	Tấn	150.000	
	- Nội bộ làm	“	0	
	- Than giao thầu	“	150.000	
II	Bóc đất đá	M ³	1.265.000	
1	Tự làm	M ³	0	
2	Thuê thầu khai thác	M ³	1.265.000	
III	Mét lò đào tổng số	M	19.000	
1	Đào lò CBSX	M	19.000	
	- Nội bộ làm	“	15.000	
	- Mét lò đào thuê ngoài	“	4.000	
IV	Lò xén	M	2.500	
1	Mét lò xén CBSX	M	2.500	
B	Than tiêu thụ tổng số	Tấn	1.521.000	
1	Than NK giao NMT	Tấn	1.300.000	
2	Than sạch giao KV	Tấn	221.000	
C	Giá trị đầu tư	Tr.đ	205.621	
	Xây lắp	Tr.đ	12.277	
	Thiết bị	Tr.đ	162.827	
	Khác	Tr.đ	30.517	
D	Doanh thu tổng số	Tr.đ	1.918.521	
E	Lợi nhuận	Tr.đ	26.266	
F	Thu nhập bình quân	Tr.đ/ng/th	13,665	
G	Tồn kho	Tấn	38.000	
H	Cổ tức (dự kiến)	%	6	

2. Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018, phương hướng nhiệm vụ năm 2019 do ông Hoàng Trọng Hiệp - Ủy viên Hội đồng quản trị - Phó Giám đốc Công ty trình bày (theo nội dung Báo cáo số /BC-TMD, ngày /4/2019 đính kèm).

3. Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam do ông Phạm Cẩm Hải - Kế toán trưởng Công ty trình bày (Theo nội dung Báo cáo tài chính tóm tắt năm 2018 đính kèm).

4. Báo cáo Phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2018 và Kế hoạch lợi tức năm 2019 do ông Phạm Cẩm Hải - Kế toán trưởng Công ty trình bày, cụ thể:

4.1. Phân phối lợi nhuận năm 2018 và chi trả cổ tức năm 2018:

1. Tổng lợi nhuận trước thuế:	29.957.002.030	đồng
2. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp:	8.208.208.607	đồng
3. Lợi nhuận sau thuế:	21.748.793.423	đồng
a. Chia cổ tức năm 2018 (6% vốn điều lệ):	12.851.007.600	đồng
b. Lợi nhuận còn lại trích lập các quỹ:	8.897.785.823	đồng

Trong đó:

- Quỹ khen thưởng phúc lợi:	8.540.354.573	đồng
- Quỹ thưởng Ban điều hành Công ty:	357.431.250	đồng

(1,5 tháng lương BQ thực hiện của VCQL)

4.2. Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2018 là 6% vốn Điều lệ. Thời điểm chốt danh sách cổ đông và chi trả cổ tức bằng tiền cho các cổ đông vào cuối quý II năm 2019. Đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị tổ chức hoàn tất thủ tục và chi trả theo Luật Chứng khoán và Luật Kế toán Tài chính hiện hành.

4.3. Kế hoạch trả cổ tức năm 2019: Mức trả cổ tức dự kiến: 6%, phần đầu 8% trên vốn điều lệ. Mức cổ tức chi trả thực tế của năm 2019 sẽ được biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông năm 2020 trên cơ sở kết quả SXKD năm 2019

5. Báo cáo kết quả chi trả tiền lương của người quản lý, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách năm 2018 và Kế hoạch năm 2019 do ông Phạm Cẩm Hải - Kế toán trưởng Công ty trình bày (Theo nội dung báo cáo số ~~715~~BC-TMD ngày ~~26~~4/2019 đính kèm), cụ thể:

5.1. Năm 2018, Công ty đã thực hiện chi trả tiền lương đối với người quản lý (Ban Giám đốc) 2.859 triệu đồng; Thù lao Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách là: 420,4 triệu đồng.

5.2. Đề xuất năm 2019, Tiền lương đối với người quản lý và mức Thù lao không chuyên trách hàng tháng được áp dụng theo Hướng dẫn của Nghị định 52/2016/NĐ-CP và thực hiện các văn bản hướng dẫn của TKV: Công văn số 1964/TKV-LĐTL ngày 08/04/2014; Công văn số 6736/TKV-KH ngày 24/12/2018; Quyết định số 279/QĐ-TKV ngày 23/2/2017 của TKV để xây dựng mức lương đối với người quản lý, mức thù lao Hội đồng quản trị, ban Kiểm soát, Thư ký công ty.

6. Báo cáo của Ban Kiểm soát giám sát công tác quản lý Công ty của HĐQT, Giám đốc điều hành năm 2018 do bà Nguyễn Thị Tâm - Trưởng Ban kiểm soát Công ty trình bày, (nội dung chi tiết theo Báo cáo số ~~744~~743/BC-TMD ngày ~~26~~26/4/2019 đính kèm).

7. Báo cáo của Ban Kiểm soát về thẩm định Báo cáo Tài chính năm 2018 đã được Kiểm toán do bà Nguyễn Thị Tâm - Trưởng Ban kiểm soát Công ty trình bày (nội dung chi tiết theo Báo cáo số ~~743~~743/BC-TMD ngày ~~26~~26/4/2019 đính kèm).

8. Báo cáo của Ban kiểm soát về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 do bà Nguyễn Thị Tâm - Trưởng Ban kiểm soát Công ty trình bày (nội dung chi tiết theo Tờ trình số: ~~742~~742/TTr-TMD, ngày ~~26~~26/4/2019 đính kèm).

9. Tờ trình về việc chấp thuận cho cổ đông Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam không phải thực hiện các thủ tục chào mua công khai cổ phiếu Công ty (MDC) do ông Nguyễn Quế Thanh - Thành viên HĐQT - Giám đốc Công ty trình bày (nội dung chi tiết theo tờ trình số: ~~741~~741/TTr-TMD ngày ~~26~~26/4/2019 đính kèm).

10. Tờ trình về việc thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty do ông Vũ Tiến Quang - Thành viên HĐQT - Phó Giám đốc Công ty trình bày (nội dung chi tiết theo tờ trình số: ~~740~~740/TTr-TMD ngày ~~26~~26/4/2019 đính kèm).

IV. Đại hội giải lao, thảo luận, phát biểu và trả lời ý kiến

Sau phần trình bày các nội dung của Đại hội và ý kiến chỉ đạo của Chủ tọa, các cổ đông tiến hành thảo luận, chất vấn các nội dung của Chương trình Đại hội:

Các ý kiến thảo luận đều nhất trí với các báo cáo đã được Giám đốc, Ban Kiểm soát và các ủy viên Hội đồng quản trị trình bày và có ý kiến nhận xét chung: Năm 2018, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành đã năng động, quản lý Công ty đúng điều lệ, đúng pháp luật; Tài chính của Công ty lành mạnh; lợi ích của Người lao động, Cổ đông và lợi ích xã hội được đảm bảo. Công ty phát triển theo hướng bền vững.

V. Các Quyết nghị tại Đại hội: Sau khi thảo luận, các Cổ đông tham dự họp đã nhất trí quyết nghị từng nội dung sau:

1. Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018; Nhiệm vụ và giải pháp điều hành năm 2019, cụ thể:

1.1) Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty với các chỉ tiêu chủ yếu, Than sản xuất: đạt 1.524.000 tấn bằng 105% KH, Lợi nhuận trước thuế đạt 29,9 tỷ bằng 131% so với kế hoạch; đảm bảo đủ công ăn việc làm cho cán bộ công nhân viên có thu nhập ổn định, bình quân đạt

13.024.000 đồng/người/tháng; cổ tức cho các cổ đông là 6%; thực hiện tốt nghĩa vụ với Nhà nước.

1.2) Nhiệm vụ, giải pháp điều hành sản xuất kinh doanh năm 2019 với các chỉ tiêu chủ yếu sau: Than sản xuất: 1.550.000 tấn; Mét lò đào tổng số: 19.000 mét; Bốc xúc đất đá: 1.265.000 m³; Doanh thu: 1.918 tỷ đồng; Lợi nhuận: 26,266 tỷ đồng; thu nhập bình quân của người lao động: 13,665 triệu đồng/ người/ tháng.

Kết quả biểu quyết:

Số phiếu có quyền biểu quyết dự họp: 17.465.107

Tán thành: 100%; Không tán thành: 0%; Không có ý kiến gì: 0%.

Với tỷ lệ tán thành là 100 %, vấn đề trên được thông qua; Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị trong quá trình triển khai có thể điều chỉnh các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh cho phù hợp đảm bảo thực hiện hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh của năm 2019; Đảm bảo thu nhập của người lao động và quyền lợi của cổ đông.

2. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018, phương hướng nhiệm vụ năm 2019:

Kết quả biểu quyết:

Số phiếu có quyền biểu quyết dự họp: 17.465.107

Tán thành: 100%; Không tán thành: 0%; Không có ý kiến gì: 0%.

Với tỷ lệ tán thành là 100 %, vấn đề trên được thông qua.

3. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam- Chi nhánh Hà Nội.

Kết quả biểu quyết:

Số phiếu có quyền biểu quyết dự họp: 17.465.107

Tán thành: 100%; Không tán thành: 0%; Không có ý kiến gì: 0%.

Với tỷ lệ tán thành là 100 %, vấn đề trên được thông qua.

4. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018, chi trả cổ tức năm 2018 của Công ty và Kế hoạch trả cổ tức năm 2019.

Kết quả biểu quyết:

Số phiếu có quyền biểu quyết dự họp: 17.465.107

Tán thành: 100%; Không tán thành: 0%; Không có ý kiến gì: 0%.

Với tỷ lệ tán thành là 100 %, vấn đề trên được thông qua; cụ thể:

4.1. Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2018 là 6% vốn Điều lệ. Thời điểm chốt danh sách cổ đông và chi trả cổ tức bằng tiền cho các cổ đông vào cuối quý II năm 2019. Đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị tổ

chức hoàn tất thủ tục và chi trả theo Luật Chứng khoán và Luật Kế toán Tài chính hiện hành.

4.2. Kế hoạch trả cổ tức năm 2019: Mức trả cổ tức dự kiến: 6%, phần đầu 8% trên vốn điều lệ. Mức cổ tức chi trả thực tế của năm 2019 sẽ được biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông năm 2020 trên cơ sở kết quả SXKD năm 2019.

5. Thông qua việc chi trả tiền lương đối với người quản lý và thù lao không chuyên trách năm 2018, kế hoạch năm 2019:

Kết quả biểu quyết:

Số phiếu có quyền biểu quyết dự họp: 17.465.107

Tán thành: 100%; Không tán thành: 0%; Không có ý kiến gì: 0%.

- Với tỷ lệ tán thành là 100 %, vấn đề trên được thông qua, cụ thể:

5.1. Năm 2018, Công ty đã thực hiện chi trả tiền lương đối với người quản lý (Bao gồm ban Giám đốc và Trưởng Ban Kiểm soát) 3.137,9 triệu đồng; Thù lao Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách là: 419,6 triệu đồng.

5.2. Kế hoạch năm 2019, Tiền lương đối với người quản lý và mức Thù lao không chuyên trách hàng tháng được áp dụng theo Hướng dẫn của Nghị định 52/2016/NĐ-CP và thực hiện các văn bản hướng dẫn của TKV: Công văn số 1964/TKV-LĐTL ngày 08/04/2014; Công văn số 6736/TKV-KH ngày 24/12/2018; Quyết định số 279/QĐ-TKV ngày 23/2/2017 của TKV để xây dựng mức lương đối với người quản lý, mức thù lao Hội đồng quản trị, ban Kiểm soát, Thư ký công ty.

6. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát giám sát công tác quản lý Công ty của HĐQT, Giám đốc điều hành năm 2019:

Kết quả biểu quyết:

Số phiếu có quyền biểu quyết dự họp: 17.465.107

Tán thành: 100%; Không tán thành: 0%; Không có ý kiến gì: 0%.

Với tỷ lệ tán thành là 100 %, vấn đề trên được thông qua.

7. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về thẩm định Báo cáo Tài chính năm 2018 đã được Công ty TNHH PKF Việt Nam thực hiện kiểm toán: Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty đã thể hiện đầy đủ tính minh bạch, rõ ràng và độ tin cậy cao.

Kết quả biểu quyết:

Số phiếu có quyền biểu quyết dự họp: 17.465.107

Tán thành: 100%; Không tán thành: 0%; Không có ý kiến gì: 0%.

Với tỷ lệ tán thành là 100 %, vấn đề trên được thông qua.

8. Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH PKF Việt Nam là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty cổ phần than Mông Dương-Vinacomin với các nội dung như sau:

Tên Công ty kiểm toán độc lập: Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Trụ sở chính: Số 1- Nguyễn Huy Tưởng- Phường Thanh Xuân Trung- Quận Thanh Xuân- Thành phố Hà Nội

ĐT: +84 24 664 4488 FAX: +84 24 664 2233

Kết quả biểu quyết:

Số phiếu có quyền biểu quyết dự họp: 17.465.107

Tán thành: 100%; Không tán thành: 0%; Không có ý kiến gì: 0%.

Với tỷ lệ tán thành là 100 %, vấn đề trên được thông qua.

9. Thông qua tờ trình về việc chấp thuận cho cổ đông Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam không phải thực hiện các thủ tục chào mua công khai cổ phiếu Công ty (MDC)

- Ông Đặng Tất Thỏa (3.721 cổ phần) có ý kiến thảo luận, hỏi về cách thức bán cổ phiếu của các cá nhân, giá cổ phiếu.

- Chủ tọa trả lời: TKV mua cổ phiếu bằng hình thức khớp lệnh trên sàn: giá cổ phiếu theo sàn quyết định

- Hình thức thỏa thuận: HĐTV TKV quyết định mức giá, thỏa thuận với người muốn bán.

Kết quả biểu quyết:

Số phiếu có quyền biểu quyết dự họp: 5.851.237 (không tính 11.613.904 cổ phiếu tán thành của TKV)

Tán thành: 100%; Không tán thành: 0%; Không có ý kiến gì: 0%.

Với tỷ lệ tán thành là 100 %, vấn đề trên được thông qua.

10. Thông qua tờ trình về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty

Kết quả biểu quyết:

Số phiếu có quyền biểu quyết dự họp: 17.465.107

Tán thành: 100%; Không tán thành: 0%; Không có ý kiến gì: 0%.

Với tỷ lệ tán thành là 100 %, vấn đề trên được thông qua.

11. Thông qua Biên Bản và các quyết nghị tại phiên họp: Thư ký Đại hội trình bày dự thảo Biên bản và các Quyết nghị của Đại hội:

Biểu quyết thông qua toàn văn Biên bản và Nghị quyết với tỷ lệ:

Tán thành: 100%; Không tán thành: 0%; Không có ý kiến gì: 0%.

Đại hội giao cho Chủ tọa - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty ký, ban hành Biên bản và Nghị quyết của Đại hội để triển khai thực hiện.

12. Chủ tọa bế mạc Đại hội:

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin kết thúc vào hồi 11h30' cùng ngày ./.

Nơi nhận:

- UBCK NN, Sở GD&ĐT HN, TTLK Việt Nam, TKV (b/c);
- Các cán bộ quản lý; Các CĐ của Cty;
- Mạng Protal: Các đơn vị trong C.ty;
- Bộ phận CNTT đăng trên trang Web;
- Lưu: VT; HĐQT.

THƯ KÝ



Lê Thế Anh

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA



Phạm Công Hương
CHỦ TỊCH HĐQT

Quảng Ninh, ngày *26* tháng *4* năm 2019

**QUY CHẾ LÀM VIỆC
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24/11/2010;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 24/4/2018; Căn cứ Kế hoạch số: 294/KH-TMD, ngày 01 tháng 3 năm 2019 của HĐQT Công ty CP than Mông Dương-Vinacomin; Hội đồng Quản trị Công ty Dự thảo Quy chế làm việc tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 bao gồm các nội dung sau:

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1.1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin.

1.2. Quy chế này quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thủ tục tiến hành Đại hội.

1.3. Cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

**Chương II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ
CỦA NHỮNG NGƯỜI THAM DỰ ĐẠI HỘI**

Điều 2. Điều kiện, quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội

2.1. Điều kiện tham dự Đại hội: Là các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản của một hoặc nhiều cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Công ty tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 29/03/2019 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cung cấp.

2.2. Quyền của cổ đông, đại diện theo uỷ quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội:

a) Được trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho người khác tham dự Đại hội bằng văn bản theo mẫu của Công ty;

b) Được thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty;

c) Được Ban Tổ chức thông báo nội dung, chương trình Đại hội;

d) Mỗi cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp khi tới tham dự Đại hội được nhận thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết và các tài liệu ngay sau khi đăng ký tham dự Đại hội với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông;

e) Cổ đông, người được uỷ quyền dự họp đến muộn khi Đại hội chưa kết thúc có quyền đăng ký và tham gia biểu quyết ngay tại Đại hội đối với các vấn đề chưa biểu quyết, khi đó Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội và hiệu lực của các lần biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

2.3. Nghĩa vụ của cổ đông, đại diện theo uỷ quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội:

a) Cổ đông hay người được uỷ quyền dự họp khi tham dự Đại hội phải mang theo Giấy CMND hoặc thẻ căn cước..., Giấy uỷ quyền (đối với đại diện được uỷ quyền) và đăng ký tham dự Đại hội với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông;

b) Trang phục lịch sự;

c) Việc ghi âm, ghi hình Đại hội phải được thông báo công khai và được sự chấp thuận của Chủ tọa Đại hội;

d) Đăng ký phát biểu tại Đại hội theo quy định, tuân thủ thời gian phát biểu, nội dung phát biểu trong phạm vi chương trình Đại hội;

e) Phát biểu và biểu quyết phù hợp với hướng dẫn của Ban tổ chức Đại hội và tuân thủ sự điều khiển của Chủ tọa Đại hội;

f) Không được có hành vi cản trở, gây rối trật tự làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

g) Không được gây rối, ngăn cản diễn biến bình thường của Đại hội;

h) Tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa Đại hội;

i) Nghiêm túc chấp hành Quy chế, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông

3.1. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông gồm một (01) Trưởng Ban và các thành viên do Hội đồng quản trị ("HĐQT") Công ty quyết định để thực hiện các chức năng và nhiệm vụ như sau:

a) Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền của cổ đông đến dự họp: Yêu cầu cổ đông tham dự Đại hội và khách mời xuất trình Giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước ..., Giấy uỷ quyền (đối với đại diện được uỷ quyền);

b) Phát cho cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự họp: Thẻ biểu quyết; Phiếu biểu quyết và các tài liệu khác liên quan;

c) Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp Đại hội tại các thời điểm sau:

- Trước khi khai mạc Đại hội;
- Trước mỗi lần biểu quyết của Đại hội nếu có sự thay đổi về số cổ đông đăng ký tham dự Đại hội (Cổ đông đến muộn đăng ký dự họp).

d) Thực hiện các công việc khác do Ban Tổ chức Đại hội hoặc Chủ tọa Đại hội phân công.

3.2. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa và Thư ký Đại hội

4.1. Chủ tịch HĐQT Công ty là Chủ tọa Đại hội. Đoàn Chủ tọa Đại hội gồm Chủ tọa Đại hội và các thành viên HĐQT Công ty.

4.2. Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

4.3. Chủ tọa tiến hành các công việc được cho là cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

4.4. Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa cũng có thể trì hoãn họp Đại hội đến một thời điểm khác (phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty) và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

c) Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

4.5. Chủ tọa có quyền không trả lời hoặc chỉ ghi nhận các ý kiến đóng góp của cổ đông nếu các nội dung đóng góp, kiến nghị nằm ngoài nội dung xin ý kiến Đại hội.

4.6. Chủ tọa có quyền cắt ý kiến phát biểu của cổ đông khi cổ đông phát biểu quá thời gian quy định hoặc ý kiến nằm ngoài nội dung chương trình Đại hội, ý kiến trùng lặp.

4.7. Có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người có biểu hiện gây rối, không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, ngăn cản diễn biến bình thường của Đại hội.

4.8. Chủ tọa chỉ định Thư ký Đại hội lập biên bản cuộc họp Đại hội và thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa.

Chương III

THỂ THỨC TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 5. Điều kiện tiến hành Đại hội

5.1. Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông tham dự đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội. Trường hợp quá 30 phút kể từ thời điểm khai mạc Đại hội (được ghi trong nội dung chương trình cuộc họp đã gửi cho các cổ đông), mà số cổ đông đăng ký tham dự Đại hội chưa đại diện đủ cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông thì cuộc họp được coi như chưa đủ điều kiện để tiến hành.

5.2. Trường hợp Đại hội không đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên đây thì việc triệu tập và tiến hành Đại hội cổ đông các lần tiếp theo sẽ được tiến hành theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Điều 6. Tiến hành Đại hội

6.1. Đại hội sẽ diễn ra theo đúng trình tự nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua.

6.2. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung tại chương trình Đại hội theo hình thức biểu quyết.

6.3. Đại hội bế mạc sau khi Biên bản, Nghị quyết Đại hội được thông qua.

Điều 7. Phát biểu ý kiến tại Đại hội

Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông đến dự họp khi phát biểu ý kiến phải đăng ký vào Phiếu đăng ký phát biểu ý kiến. Trong Phiếu đăng ký, cổ đông cần ghi rõ câu hỏi hoặc nội dung phát biểu. Phiếu đăng ký được chuyển lên Chủ tọa Đại hội xử lý. Khi phát biểu, nội dung phát biểu cần ngắn gọn và phù hợp với nội dung đang thảo luận tại Đại hội và chương trình Đại hội. Thời gian phát biểu không quá 05 phút. Cổ đông không phát biểu lại những ý kiến đã được cổ đông khác phát biểu và chỉ có các ý kiến phát biểu phù hợp với nội dung chương trình Đại hội mới được ghi vào Biên bản Đại hội.

Điều 8. Phiếu biểu quyết, thẻ biểu quyết, thể thức biểu quyết thông qua các quyết định tại Đại hội

8.1. Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết được đóng dấu của Công ty do Ban Kiểm tra tư cách cổ đông phát cho các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp. Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết được ghi mã số, họ tên, chữ ký cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông và các yếu tố kỹ thuật khác giúp cho việc kiểm phiếu chính xác, thuận tiện.

8.2. Giá trị biểu quyết của Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết được xác định bằng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội.

8.3. Việc biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 được thực hiện bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết và được Chủ tọa Đại hội công bố ngay tại Đại hội. Cổ đông biểu quyết cho từng vấn đề bằng cách giơ Thẻ biểu quyết của mình khi được Chủ tọa hỏi Đồng ý/ Không đồng ý/ Không có ý kiến về từng nội dung cụ thể. Cổ đông chỉ được giơ Thẻ biểu quyết một lần đối với từng nội dung và được xác thực bằng việc cổ đông đánh dấu vào 01 (một) trong 3 (ba) ô tương ứng (tán thành, không tán thành, không có ý kiến) ghi trong Phiếu biểu quyết và nộp lại cho Ban tổ chức sau khi kết thúc Đại hội.

Điều 9. Thông qua quyết định của Đại hội

Trừ các nội dung ghi tại Khoản 3 Điều 21 Điều lệ Công ty, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông đồng ý tán thành.

Điều 10. Biên bản Đại hội

10.1. Nội dung diễn biến tổ chức Đại hội được lập thành Biên bản. Chủ tọa Đại hội và Thư ký Đại hội chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của Biên bản Đại hội.

10.2. Biên bản Đại hội được Đại hội thông qua trước khi bế mạc và được công bố thông tin, gửi đến các cổ đông theo đúng quy định của pháp luật.

10.3. Biên bản Đại hội, Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông và các tài liệu khác ghi nhận diễn biến, kết quả của Đại hội phải được lưu trữ tại Trụ sở chính của Công ty.

Điều 11. Nghị quyết Đại hội

Căn cứ kết quả tại Đại hội, Chủ tọa chuẩn bị Nghị quyết Đại hội về các vấn đề đã được Đại hội thông qua. Nghị quyết của Đại hội phải được đọc tại Đại hội để các cổ đông thông qua, gửi tới các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội bế mạc.

Điều 12. Hiệu lực thi hành của Quy chế

12.1. Quy chế này gồm ba (03) Chương, mười hai (12) Điều và có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua.

12.2. Đại hội đồng cổ đông quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- GD, Các PGD, KTT (ecopy);
- Cổ đông của Công ty;
- P. ĐK (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phạm Công Hương

BÁO CÁO
THỰC HIỆN SXKD NĂM 2018 VÀ KH SXKD NĂM 2019

Kính gửi: Các Quý vị Cổ đông

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần than Mông Dương - Vinacomin được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thực hiện chức trách nhiệm vụ Hội đồng quản trị giao, Giám đốc Công ty xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018, nhiệm vụ, giải pháp điều hành sản xuất kinh doanh năm 2019 như sau:

PHẦN THỨ NHẤT
KẾT QUẢ THỰC HIỆN KH SXKD NĂM 2018

I/ CÁC CHỈ TIÊU THỰC HIỆN NĂM 2018:

1. Những khó khăn, thuận lợi:

Năm 2018, tình hình kinh tế và thương mại toàn cầu có bước tăng trưởng. Trong nước Đảng và Chính phủ đã tích cực triển khai thực hiện thanh kiểm tra phòng chống tham nhũng;

Nhu cầu thị trường than trong nước cuối năm 2018 tăng cao do nhu cầu sử dụng năng lượng tăng lên, các nhà máy nhiệt điện tăng công suất làm cho nhu cầu dùng than trong nước tăng đột biến; giá than và giá một số loại khoáng sản tăng; điều kiện thời tiết thuận lợi. Tập đoàn đã điều chỉnh tăng thêm sản lượng cung cấp than sản xuất điện, đồng thời tổ chức phát động chiến dịch thi đua 90 ngày đêm sản xuất và tiêu thụ than; hưởng ứng chiến dịch, tập thể, CBCNV lao động toàn Công ty đã phát huy tối đa mọi nguồn lực, cùng nhau đoàn kết, do đó Công ty đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu SXKD năm 2018;

Đạt được thành tích nêu trên ngoài sự cố gắng nỗ lực của cán bộ, CNVC toàn Công ty trong việc điều hành sản xuất, còn có sự chỉ đạo sát sao, kịp thời của Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam và sự phối hợp giúp đỡ của chính quyền địa phương.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được vẫn còn một số khó khăn đó là: Đối với Công ty sản xuất ngày càng xuống sâu, đi xa, điều kiện địa chất biến động mạnh khai thác khó khăn; thuế phí ở mức cao, thẩm định các dự án, cấp và gia hạn giấy phép vướng mắc nhiều thủ tục; công tác tuyển sinh lao động, đặc biệt là lao động hầm lò gặp nhiều khó khăn, phải cạnh tranh với nhiều ngành nghề trên thị trường lao động.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu thực hiện năm 2018.

TT	Danh mục	ĐVT	KHPL2018 (CV6059TKV)	KH Điều chỉnh (CV6783)	Thực hiện năm 2018	% TH/K H Điều chỉnh	% Cùng kỳ năm 2017
A	Sản xuất						
I	Than sản xuất	Tấn	1.450.000	1.450.000	1.524.000	105	121
1	Than hầm lò	Tấn	1.300.000	1.300.000	1.337.000	103	119
2	Than Lộ thiên	Tấn	150.000	150.000	187.000	125	139
	- Nội bộ làm	“	50.000	90.000	115.000	128	86
	- Than giao thầu	“	100.000	60.000	72.000	120	
II	Bóc đất đá	M ³	2.011.000	1.550.000	2.041.000	132	217
1	Tự làm	M ³	664.000		684.000		88
2	Thuê thầu khai thác	M ³	1.347.000		1.357.000		827
III	Mét lò đào tổng số	M	18.700	15.850	15.880	100	101
1	Đào lò CBSX	M	18.700	15.850	15.880	100	101
	- Nội bộ làm	“	16.700		14.710		94
	- Mét lò đào thuê ngoài	“	2.000		1.170		
IV	Lò xén + xén khô phục	M	2.300	2.400	2.730	114	105
1	Mét lò xén CBSX	M	2.300	2.400	2.730	114	105
B	Than tiêu thụ tổng số	Tấn	1.476.000	1.430.000	1.472.000	103	119
1	Than NK giao NMT	Tấn	1.300.000	1.260.000	1.265.000	100	114
2	Than sạch giao KV	Tấn	176.000	170.000	207.000	122	168
C	Giá trị đầu tư	Tr.đ	202.519	187.342	166.270	89	
	Xây lắp	Tr.đ	50.704	54.480	40.122	74	
	Thiết bị	Tr.đ	136.797	120.864	120.092	99	
	Khác	Tr.đ	15.018	11.998	6.056	50	
D	Doanh thu tổng số	Tr.đ	1.673.131	1.858.469	1.958.689	105	136
E	Lợi nhuận	Tr.đ	22.954	22.954	29.957	131	155
F	Thu nhập bình quân	Tr.đ/ng /th	11,840	12,708	13,024	102	130
G	Tồn kho	Tấn			36.923		121

3. Đánh giá chung tình hình SXKD của Công ty năm 2018.

+ Doanh thu đạt 1.958 tỷ bằng 105 % kế hoạch bằng 136% so với cùng kỳ năm 2017.

+ Lợi nhuận trước thuế đạt 29,9 tỷ bằng 131% so với kế hoạch và bằng 155% so với cùng kỳ năm 2017.

Về chỉ tiêu chủ yếu:

+ Sản lượng: đạt 1.524.000 tấn bằng 105% KH và bằng 121% so với cùng kỳ năm 2017.

+ Mét lò: đạt 15.880 m bằng 100% so với KH và bằng 101% so với cùng kỳ.

+ Bốc xúc đất đá: đạt 2.041.000 m³ bằng 132% KH và bằng 217 % so với cùng kỳ năm 2017.

+ Tiêu thụ đạt 1.472.000 tấn bằng 103 % so với kế hoạch và bằng 119% so với cùng kỳ năm 2017.

Năm 2018 Công ty đã hoàn thành vượt một số các chỉ tiêu. Về chỉ tiêu sản lượng hầm lò được đánh giá là sản lượng lớn nhất từ trước đến nay. Trong năm 2018 đã triển khai đồng bộ các giải pháp tập trung vào việc cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động. Lắp đặt thử nghiệm hệ thống bơm hút bùn; Cải tạo hệ thống nạo vét goòng. Tập trung triển khai các công việc phòng chống mưa bão; Đã tiến hành đào cặp ngầm xuống mức -400; Đào lò ngầm +20/-100 để tăng cường hệ thống vận tải than lên mặt bằng. Xây dựng xong nhà điều hành công trường số 2 để đưa vào sử dụng tạo không gian làm việc trang hoàng hơn. Chuẩn bị các Công tác đầu tư cho lâu dài và tăng sản lượng trong những năm tiếp theo.

*** Hạn chế, tồn tại:**

Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn bộc lộ những hạn chế, tồn tại:

- Mặc dù đã triển khai nhiều giải pháp tích cực tăng cường thực hiện công tác an toàn, tuy nhiên trong năm 2018 Công ty đã xảy ra 2 vụ TNLĐ nghiêm trọng, làm chết 2 công nhân;
- Công tác tuyển sinh lao động, quản lý lao động tiếp tục gặp nhiều khó khăn đặc biệt là thợ lò và cơ điện lò.

*** Nguyên nhân của những hạn chế:**

- Ý thức chấp hành quy chuẩn về an toàn của một bộ phận người lao động còn hạn chế, chủ quan; một số cán bộ chỉ huy SX thiếu kiên quyết trong chỉ huy điều hành.
- Do phải cạnh tranh gay gắt trong thị trường tuyển sinh lao động, trong khi lao động tại các địa phương ngày càng có nhiều cơ hội việc làm hơn, đặc biệt là nhu cầu sử dụng lao động phổ thông không qua đào tạo tại một số khu công nghiệp tăng nhanh.

4. Các nguyên nhân thành công năm 2018:

Để hoàn thành được các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 ngay từ đầu năm ban lãnh đạo cùng hệ thống điều hành công ty đã triển khai nhiều các giải pháp, xác định các mục tiêu trọng tâm để làm kim chỉ nam điều hành trong năm. Nguyên nhân thành công đó là:

1. Có sự chỉ đạo sâu sát của Tập đoàn; Trong năm các đồng chí lãnh đạo Tập đoàn trực tiếp cùng các ban đã đến các đơn vị có khó khăn để tháo gỡ, trong đó Mông Dương được Tập đoàn đến nhiều lần và giải quyết các nút thắt trọng tâm trọng điểm đó là sự phát triển lâu dài và điều kiện làm việc cho người lao động. Ngoài ra trong năm 2018 Tập đoàn đã có các cơ chế chính sách tiền lương tăng lương 3 lần rất kịp thời thu hút và huy động được ngày công lao động đặc biệt vào dịp chiến dịch 90 ngày đêm.

2. Công ty đã có nhiều giải pháp linh hoạt phù hợp với điều kiện thực tế, diễn biến chung của Tập đoàn và quyết liệt trong điều hành. Tập trung giải quyết việc cải thiện điều kiện làm việc của người lao động; Thực hiện tái cơ cấu sắp xếp lại các đơn vị phân xưởng theo điều kiện sản xuất như giảm phân xưởng vận tải lò 3; nhập phân xưởng Lộ thiên vào phân xưởng ô tô.

3. Hệ thống điều hành chỉ huy sản xuất được tiếp tục củng cố để nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, điều hành sản xuất phải nhịp nhàng có tính kế hoạch cao, giảm thiểu mọi ách tắc, trong đó điều hành khâu bảo dưỡng sửa chữa thiết bị và vận tải trong lò giữ một vai trò quan trọng. Tăng cường tham quan học hỏi các đơn vị bạn. Trong năm các cán bộ kỹ thuật đã đi thăm quan Hà Lâm về Công tác điều hành, thăm quan học hỏi Công ty Than Núi Béo về công tác chống neo;

4. Công tác dân chủ trong Công ty được chú trọng từ đó đã phát huy được sức mạnh của cả hệ thống chính trị; Sự nỗ lực của CBCNV đặc biệt là đội ngũ công nhân lao động phát huy sức mạnh kỷ luật đồng tâm vượt qua khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ. Các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh đã phối hợp với chuyên môn trong phong trào thi đua sản xuất, động viên kịp thời. Các phòng ban đã làm tốt công tác tham mưu trong việc quản lý để đem lại hiệu quả công việc.

5. Quan hệ hài hoà các đơn vị bạn trong và ngoài Tập đoàn, với các cơ quan chức năng và chính quyền địa phương các cấp.

PHẦN THỨ HAI

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP ĐIỀU HÀNH KH SXKD NĂM 2019

I/ ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH:

*** Khó khăn:**

Năm 2019 kinh tế thế giới và khu vực có nhiều diễn biến phức tạp ảnh hưởng tới nền kinh tế trong nước vẫn gặp nhiều khó khăn, giá cả thị trường không ổn định, thuế phí cao, giá than chưa được cải thiện.

Đối với Công ty: Khó khăn về tài nguyên huy động đưa vào sản xuất cả khu vực hầm lò và lộ thiên; Sản lượng than khai thác hầm lò cơ bản ở dưới mức -100÷ -250, một số diện đào lò ở dưới mức -250, các điều kiện kỹ thuật mỏ khó khăn nhiều hơn năm 2018; Vấn đề nhân lực công nghệ, quản lý ảnh hưởng đến công tác tổ chức sản xuất Công ty.

*** Thuận lợi:**

Toàn Công ty dưới sự lãnh đạo của BCH Đảng bộ, sự sáng suốt, kiên định quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo Công ty, sự phối kết hợp

chặt chẽ hiệu quả của các tổ chức Đoàn thể trong Công ty nói chung cùng đội ngũ CBCNV với tinh thần tự giác cao, kỷ luật đồng tâm, nề nếp, đoàn kết, sáng tạo; đó là những điều kiện thuận lợi để bước vào thực hiện kế hoạch SXKD năm 2019.

II/ MỤC TIÊU VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH NĂM 2019.

TT	Danh mục	ĐVT	KHPL2019	Ghi chú
			(CV6736/TKV)	
A	Sản xuất			
I	Than sản xuất	Tấn	1.550.000	
1	Than hầm lò	Tấn	1.400.000	
2	Than Lộ thiên	Tấn	150.000	
	- Nội bộ làm	“	0	
	- Than giao thầu	“	150.000	
II	Bóc đất đá	M ³	1.265.000	
1	Tự làm	M ³	0	
2	Thuê thầu khai thác	M ³	1.265.000	
III	Mét lò đào tổng số	M	19.000	
1	Đào lò CBSX	M	19.000	
	- Nội bộ làm	“	15.000	
	- Mét lò đào thuê ngoài	“	4.000	
IV	Lò xén	M	2.500	
1	Mét lò xén CBSX	M	2.500	
B	Than tiêu thụ tổng số	Tấn	1.521.000	
1	Than NK giao NMT	Tấn	1.300.000	
2	Than sạch giao KV	Tấn	221.000	
C	Giá trị đầu tư	Tr.đ	205.621	
	Xây lắp	Tr.đ	12.277	
	Thiết bị	Tr.đ	162.827	
	Khác	Tr.đ	30.517	
D	Doanh thu tổng số	Tr.đ	1.918.521	
E	Lợi nhuận	Tr.đ	26.266	
F	Thu nhập bình quân	Tr.đ/ng/th	13,665	
G	Tồn kho	Tấn	38.000	
H	Cổ tức (dự kiến)	%	6	

B. Mục tiêu và các giải pháp chỉ đạo, điều hành năm 2019.

1. Mục tiêu:

Công tác an toàn, môi trường được cải thiện và đảm bảo hơn năm 2018. Không để xảy ra tai nạn lao động nặng và chết người.

Hoàn thành Kế hoạch PHKD năm 2019 đã ký với Tập đoàn.

Đảm bảo đủ việc làm cho toàn thể CBCNV, thu nhập người lao động ổn định (riêng thu nhập thợ lò 15,5 Tr.đồng/người-tháng, tăng >5%).

Cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

Duy trì tốt đoàn kết nội bộ, quan hệ cộng đồng giữ vững và phát triển.

Mục tiêu chung là: “AN TOÀN - ĐỔI MỚI - PHÁT TRIỂN”.

2. Các giải pháp chính trong năm 2019:

2.1. Giải pháp về khai thông chuẩn bị, chiến lược lâu dài:

Tập trung nguồn lực, phối hợp cùng với các công ty Xây lắp mỏ đẩy mạnh tiến độ thi công đào cặp ngầm từ mức -250 ÷ -400 để kịp thời tiếp cận khai thông tầng khai thác -400 đảm bảo diện gối cho công ty các năm tiếp theo khi dần kết thúc mức khai thác trên -250 (Trữ lượng công nghiệp còn lại xấp xỉ 11 triệu tấn); dự kiến quý I/2019 sẽ tiếp cận mức -400; đến năm 2023 sẽ khai thông và có diện khai thác ở mức này.

Đồng thời với quá trình thi công cặp ngầm xuống dưới mức -250, trong năm 2019 công ty cũng phải chuẩn bị khẩn trương các thủ tục, hồ sơ cần thiết chuẩn bị lập dự án xuống sâu một cách bài bản mở rộng tài nguyên, ranh giới mỏ để đảm bảo sự phát triển bền vững của công ty.

Tiến hành KTD kiểm toán xác định tài nguyên dưới mức -250 để có đánh giá chính xác nhất trữ lượng công nghiệp tới đáy tầng than; bao gồm thăm dò bổ sung nâng cấp trữ lượng các khu mỏ Mông Dương và Bắc Cọc 6 (Khu cấp mới); khu Trung tâm Mông Dương trong năm 2019: Khối lượng khoan thăm dò nâng cấp trữ lượng là 14.739mk; khối lượng khoan thăm dò khai thác là 6.170 mk.

2.2. Giải pháp chuẩn bị các điều kiện nâng công suất khai thác đảm bảo công suất dự án 1,5 triệu tấn:

Để nâng công suất khai thác lò chợ, năng suất lao động trong điều kiện nguồn nhân lực ngày càng hạn chế. Ngay từ đầu năm 2019 phải tập trung:

- Qui hoạch sơ đồ khai thông mở vỉa theo hướng cơ giới hóa (Thiết kế các lò chợ có chiều dài ổn định, ít thay đổi về chiều dài hướng dốc, đường phương khai thác lớn).

- Chuẩn bị các điều kiện để đưa lò chợ khai thác cơ giới hóa vào cuối năm 2019: bao gồm thủ tục hồ sơ, phương án khai thác cơ giới hóa, đào tạo nguồn nhân lực, thăm quan học tập kinh nghiệm...

- Trong điều kiện khu vực ĐBMD (Công suất thiết kế 300.000tấn/năm) phải tạm thời đóng cửa để khoan thăm dò nâng cấp, đánh giá lại trữ lượng, sản lượng khai thác sẽ tập trung vào khu vực trung tâm 1,5 triệu tấn than/năm. Do đó dây chuyền vận tải lên than phải được cải tạo nâng cấp, cụ thể:

+ Thi công nhanh tuyến ngầm vận tải băng tải từ mặt bằng mức +20:- - 97,5 kết nối liên hoàn với tuyến băng tải trung hầm lò để vận chuyển than liên tục (Khối lượng còn lại: 410m; dự kiến quý IV/2019 sẽ thi công xong).

+ Đánh giá lại năng lực vận tải của dây chuyền lên than mỏ, lập phương án qui hoạch lại dây chuyền vận tải (Trong đó, xem xét đến khả năng vẫn sử dụng kết hợp cả dây truyền lên than của Giếng đứng Skip).

+ Qui hoạch mở rộng mặt bằng kho than.

2.3. Giải pháp huy động nguồn nhân lực.

Nhân lực công nhân khai thác+ đào lò hiện có của Công ty đến thời điểm năm 2019 là 1.400 người, trong đó không tham gia sản xuất xấp xỉ 90 người (TNLĐ+ báo bỏ..).

Với năng lực về nguồn tài nguyên, công nghệ của Công ty thì nguồn nhân lực cần thiết để đạt được công suất khai thác 1,5 triệu tấn/năm là 1.500 người; tỷ lệ hao hụt tự nhiên hàng năm theo thống kê của Công ty xấp xỉ 150 người/ năm) như vậy số lượng công nhân yêu cầu phải tuyển bổ sung xấp xỉ 340 người.

3. Giải pháp trong từng lĩnh vực:

3.1. Công tác AT-BHLĐ:

Mục tiêu của Công ty trong năm 2019 kiên quyết không để xảy ra sự cố có tính chất nghiêm trọng, phần đầu không để xảy ra tai nạn lao động chết người, giảm tối đa sự cố loại II, sự cố loại III; TNLĐ nặng, nhẹ giảm tối thiểu 20% so với năm 2018.

3.2. Công tác điều hành, kỹ thuật:

Bám sát kế hoạch đề DHSX ổn định, tranh thủ thời tiết thuận lợi ngay từ đầu năm, phải thật kiên quyết trong công tác điều hành, các đơn vị phần đầu đảm bảo sản lượng than khai thác, đào lò từng tháng, quý:

- Quý I: Sản xuất không thấp hơn 22% KH sản lượng năm.
- Quý II: Sản xuất không thấp hơn 26% KH sản lượng năm.
- Quý III: Phần đầu sản xuất không thấp hơn 25% KH sản lượng năm.
- Quý IV: Sản xuất không thấp hơn 27% KH sản lượng năm.

Nâng cao tính sát thực của giải pháp, thực hiện đầy đủ các bước khảo sát hiện trường, trao đổi với đơn vị trước khi lập thiết kế. Chủ động sắp xếp các công việc để lập các giải pháp phục vụ sản xuất kịp thời, hiệu quả, bám sát diễn biến sản xuất, kiểm tra nhằm hoàn thiện các khâu thiết kế công nghệ đảm bảo yêu cầu sản xuất kịp thời phát hiện các nguy cơ gây mất an toàn để có giải pháp khắc phục ngay đảm bảo an toàn.

Triển khai nhanh các thủ tục xin điều chỉnh Giấy phép khai thác số 2760/GP-BTNMT ngày 31/12/2008 và xin gia hạn GP số 2684/GP-BTNMT ngày 30/12/2013 làm cơ sở pháp lý trong hoạt động khoáng sản và triển khai tiếp khai thác lộ vỉa khu thuê thầu Cánh tây.

Bám sát Bộ TNMT phê duyệt PA TDBS khu mỏ Bắc Cọc Sáu trong năm 2019 làm cơ sở triển khai thi công đảm bảo tiến độ đến 2021 có báo cáo kết quả thăm dò phục vụ lập DA đầu tư khai thác.

3.3. Công tác Đầu tư- Môi trường:

(i).Kế hoạch đầu tư 2019:

Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2019 TKV thông qua cho Công ty tổng số 205.621 triệu đồng trong đó cơ cấu vốn đầu tư: Xây dựng 12.277 triệu đồng; Thiết bị 162.827 triệu đồng; Tư vấn và khác: 30.517 triệu đồng.

Các giải pháp thực hiện hoàn thành kế hoạch đầu tư năm 2019:

- Tập trung hoàn thành các hạng mục, thực hiện kiểm toán và trình phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành các dự án trong quý I/2019: Khai thác giai đoạn II; Xây dựng khu nhà ở công nhân; Đầu tư bổ sung công trình thoát nước hầm lò; Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2018.

- Đối với các dự án thực hiện trong năm 2019 theo kế hoạch: Tập trung lập xong dự án và trình TKV thông qua trong quý I để triển khai đầu tư phục vụ sản xuất (Dự án Cơ giới hóa lò chợ loại nhẹ, Tự động hóa hầm bơm; Tự động hóa trạm quạt; Đầu tư lò chợ giá xích; Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất 2019).

- Đối với dự án Khai thông xuống sâu tầng -250/-550 tập trung lập xong dự án và trình các cấp thẩm quyền phê duyệt trong năm 2019, thi công giếng đứng chính vào năm 2020 đảm bảo năm 2022 đưa tầng -250/-400 tham gia sản lượng.

(ii).Kế hoạch môi trường thường xuyên 2019:

Kế hoạch năm 2019 Công ty thực hiện Công tác môi trường thường xuyên với giá trị 21,3tỷ đồng. Các giải pháp cần thực hiện: Tập trung cải tạo phục hồi môi trường cho các dự án theo phê duyệt ĐTM. Cải tạo cảnh quan môi trường khu vực mặt bằng sân công nghiệp, kho than và khu vực văn phòng theo hướng quy hoạch lâu dài phù hợp với dự án khai thác tầng DTSX 250/-550.

3.4. Công tác Nghiệp vụ:

Xây dựng phương án tiền lương theo quy định của TKV, quan tâm cơ chế thưởng khuyến khích người lao động và cơ chế khuyến khích các gương lò nóng cần tiến độ, công trường khai thác khi cần tăng năng suất, sản lượng.

Tiếp tục cơ cấu lại một số tổ, đội phòng ban, công trường, phân xưởng theo hướng tinh gọn, hiệu quả đáp ứng được cho yêu cầu sản xuất.

Kiểm tra, rà soát, tổng hợp phân tích kịp thời, chính xác việc thực hiện các chỉ tiêu khoán phí ở các đơn vị sản xuất, trên cơ sở khoán chi phí của TKV tìm ra các bất hợp lý trong việc thực hiện để có các điều chỉnh kịp thời; trên cơ sở đó quyết toán khoán chi phí cho các đơn vị theo các công đoạn, công việc cụ thể, chính xác.

Quản lý, điều hành sử dụng vật tư có hiệu quả: Tăng cường các biện pháp quản lý, sử dụng tiết kiệm nguyên, nhiên, vật liệu. Thực hiện mua sắm vật tư theo đúng quy định, đảm bảo giá cả cạnh tranh, kiểm soát chặt chẽ chất lượng.

Chủ động và đôn đốc các bộ phận liên quan thực hiện nghiêm túc quy chế phân cấp quản lý tài chính của Công ty từ khâu hướng dẫn lập chứng từ đến khi quyết toán hạch toán. Đề xuất với Lãnh đạo Công ty các biện pháp sử dụng vốn linh hoạt, có hiệu quả. Hạn chế vay vốn để giảm chi phí lãi vay của Công ty.

3.5. Công tác Bảo vệ, Quân sự, An ninh trật tự khai trường:

Tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo phương án bảo vệ 1254 để duy trì công tác đảm bảo, bảo vệ an toàn các mục tiêu kinh tế trọng điểm tài nguyên, tài sản, ranh giới khai trường mở; đặc biệt chủ động phát hiện phối hợp với các cơ quan chức năng triển khai các nhiệm vụ về công tác tuần tra, kiểm tra nhằm phát hiện, ngăn chặn, xử lý kịp thời các vi phạm phát sinh trong ranh giới khai trường mở theo chức năng, thẩm quyền.

3.6. Công tác thi đua, tuyên truyền, đời sống, xã hội:

Lấy sức khoẻ của người lao động làm trọng, phải tận tình, chu đáo trong quá trình phục vụ: từ bữa ăn định lượng, tắm giặt, đi lại đến vui chơi, giải trí, thăm quan, nghỉ dưỡng và khám chữa bệnh cho người lao động.

Duy trì và thúc đẩy tốt phong trào văn hoá, văn nghệ, thể thao, làm động lực thúc đẩy sản xuất và tạo ra nét văn hoá doanh nghiệp.

Phối hợp chặt chẽ với nhân dân và chính quyền địa phương, các cơ quan doanh nghiệp trên địa bàn trong các hoạt động cộng đồng tạo một sự gắn kết và phát triển hài hoà.

Vận động CBCNV đóng góp quỹ hoạt động xã hội bằng giá trị 3 ngày công nhưng không vượt quá 1.500.000đ/người. Sáp nhập quỹ tương trợ rủi ro và quỹ hoạt động xã hội và lấy tên là quỹ hoạt động xã hội.

* Để đạt được những mục tiêu, yêu cầu về Sản xuất kinh doanh đề ra; Công ty thống nhất các nội dung như sau:

Lấy nội quy, quy chế, quy định của Công ty, của Tập đoàn và của Nhà nước là nguyên tắc trong công tác điều hành và kỷ luật.

Thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ, trên tinh thần hợp tác, bình đẳng, dân chủ, duy trì tốt việc phối hợp ngang giữa các phòng với nhau, các phòng với các đơn vị sản xuất và giữa các đơn vị sản xuất với nhau.

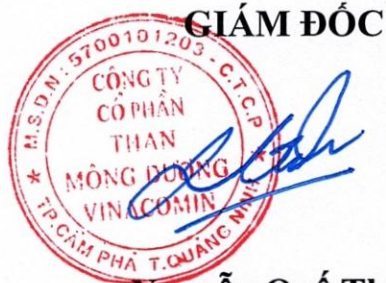
Toàn thể CBCNV trong Công ty với tinh thần kỷ luật và đồng tâm, làm tốt công việc được phân công theo đúng chức trách, nhiệm vụ được giao vì phương châm “An toàn - Đổi mới - Phát triển”.

Trên đây là báo cáo về thực hiện SXKD năm 2018 và mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp điều hành KHSXKD năm 2019 của Công ty CP than Mông Dương - Vinacomin.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Cổ đông của Công ty;
- HĐQT; BKS; Giám đốc (ecopy);
- Phòng KH, TCLĐ, Thư ký (ecopy);
- Lưu: Văn thư, KH (2); Thư ký.



Nguyễn Quế Thanh

Số: 998/BC-TMD

BÁO CÁO
Hoạt động của HĐQT năm 2018

Thực hiện theo Kế hoạch SXKD và kế hoạch hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2018 – 2023 đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 thông qua.

Với mục tiêu “An toàn, ổn định, hiệu quả” vì sự phát triển lâu dài, bền vững của Công ty, vì quyền lợi, lợi ích hợp pháp của các cổ đông, tại Đại hội cổ đông thường niên lần này, Hội đồng Quản trị trình bày lại tình hình hoạt động năm 2018 và đề ra những nhiệm vụ chủ yếu của Công ty năm 2019, như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2018

Trong năm 2018 và nhiệm kỳ III năm (2018-2023), Hội đồng Quản trị Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ chức trách, nhiệm vụ của mình theo quy định của Luật và Điều lệ Công ty: Tổ chức họp thường niên trung bình mỗi tháng 2 lần, giải quyết các việc liên quan đến công tác chỉ đạo quản lý điều hành SXKD. Các kỳ họp HĐQT đều được chuẩn bị kỹ về nội dung, đảm bảo trình tự, đúng nguyên tắc, bám sát tình hình thực tế SXKD của Công ty để đưa ra các quyết định kịp thời cho Giám đốc Công ty triển khai thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu Đại hội đồng cổ đông đề ra, cụ thể:

1. Về nhân sự và số phiên họp HĐQT.

a. Thành viên và cơ cấu Hội đồng Quản trị Công ty.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Điều hành/Độc lập/Không điều hành	Ghi chú
1	Phạm Công Hương	Chủ tịch	Không ĐH	
2	Nguyễn Quế Thanh	Ủy viên	Điều hành	
3	Vũ Tiến Quang	Ủy viên	Điều hành	Bổ nhiệm từ 24/04/2018
4	Hoàng Trọng Hiệp	Ủy viên	Điều hành	Bổ nhiệm từ 24/04/2018
5	Vadym D'omin	Ủy viên	Không ĐH	

- Hội đồng quản trị của Công ty gồm 05 (năm) thành viên, trong đó 01 (một) thành viên chủ tịch Hội đồng quản trị; 02 (hai) thành viên không điều hành và 03 (ba) thành viên điều hành. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên thể hiện tại bảng chi tiết nêu trên.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị Ông: Phạm Công Hương đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị ba đơn vị: Công ty CP than Mông Dương-Vinacomin; Công ty cổ phần than Núi Béo- Viancomin và Chủ tịch công ty của Công ty TNHH MTV Môi trường- TKV.

b. Về nội dung họp HĐQT:

Hội đồng Quản trị được Đại hội giao quản lý toàn diện mọi hoạt động SXKD của Công ty. Trong năm 2018, Hội đồng Quản trị đã thực hiện 24 lần tổ chức họp và lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành 24 Nghị quyết liên quan đến các công việc chủ yếu trong 07 lĩnh vực quản lý, điều hành sau: Giám sát, quản lý điều hành SXKD...; Đầu tư – Xây dựng, Dự án hầm lò; Tổ chức sản xuất, quản lý cán bộ; Lao động tiền lương, chế độ chính sách...; Quản lý tài chính; Ban hành các quy chế quản lý nội bộ; Đại hội cổ đông, thực hiện quyền cổ đông...

Chi tiết nội dung các cuộc họp HĐQT được Công ty nêu tại Báo cáo quản trị Công ty hàng năm và được công bố trên các phương tiện thông tin của UBCK Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, trang Web của Công ty.

2. Về thực hiện nhiệm vụ được giao:

a. Nhiệm vụ SXKD:

Năm 2018, nhu cầu thị trường than trong nước tăng cao (đặc biệt là than cho sản xuất điện) giá than trong nước và giá than thế giới được điều chỉnh tạo đà cho công tác SX và tiêu thụ than; điều kiện thời tiết thuận lợi. Tập đoàn đã điều chỉnh tăng thêm sản lượng cung cấp than sản xuất điện, đồng thời tổ chức phát động chiến dịch thi đua 90 ngày đêm sản xuất, tiêu thụ than; hưởng ứng chiến dịch, tập thể, CBCNV lao động toàn Công ty đã phát huy tối đa mọi nguồn lực, cùng nhau đoàn kết, do đó Công ty đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu SXKD năm 2018;

Đạt được thành tích nêu trên ngoài sự cố gắng nỗ lực của cán bộ, CNVC toàn Công ty trong việc điều hành sản xuất, còn có sự chỉ đạo sát sao, kịp thời của Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam và sự phối hợp giúp đỡ của chính quyền địa phương.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được vẫn còn một số khó khăn đó là: Đối với Công ty sản xuất ngày càng xuống sâu, đi xa, điều kiện khai thác khó khăn; thuế phí ở mức cao, thâm định các dự án, cấp và gia hạn giấy phép vướng mắc nhiều thủ tục; công tác tuyển sinh lao động, đặc biệt là lao động hầm lò gặp nhiều khó khăn, phải cạnh tranh với nhiều ngành nghề trên thị trường lao động.

Kế thừa những kết quả đã đạt được, bán sát nhiệm vụ chính trị của Tập đoàn với mục tiêu “An toàn- Đổi mới- Phát triển” Công ty CP than Mông Dương đã thực hiện, kết quả cụ thể sau:

Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu SXKD năm 2018

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch ĐHĐCĐ thông qua	Kế hoạch Điều chỉnh thông qua	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ TH/KH năm	
						Kế hoạch ĐHĐCĐ thông qua	Kế hoạch Điều chỉnh thông qua
(A)	(B)	(C)	1	2	3	(5=3/1)	(4=3/2)
1	Sản lượng						
1.1	Than sản xuất	Tấn	1.450.000	1.450.000	1.524.000	105	105
	+ Hầm lò	Tấn	1.300.000	1.300.000	1.337.000	103	103
	+ Lộ thiên	Tấn	150.000	150.000	187.000	125	125
1.2	Đất đá bốc xúc	M3	2.011.000	1.550.000	2.041.000	101	132
1.3	Mét lò đào	M	18.700	15.850	15.880	85	100
1.4	Than tiêu thụ	Tấn	1.476.000	1.430.000	1.472.000	100	103
2	Tổng doanh thu	Tr.đg	1.673.131	1.858.469	1.958.689	117	105

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch ĐHCĐ thông qua	Kế hoạch Điều chỉnh thông qua	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ TH/KH năm	
						Kế hoạch ĐHCĐ thông qua	Kế hoạch Điều chỉnh thông qua
3	Giá trị đầu tư	Tr.đg	202.519	187.342	166.270	82	89
	- Xây lắp	Tr.đg	50.704	54.480	40.122	79	74
	- Thiết bị	Tr.đg	136.797	120.864	120.092	88	99
	- Chi phí khác	Tr.đg	15.018	11.998	6.056	40	50
4	Lợi nhuận	Tr.đg	22.954	22.954	29.957	131	131
5	Cổ tức	%	4 ÷ 8		6		

b. Về công tác giám sát:

Hội đồng Quản trị giám sát hoạt động của cán bộ quản lý Công ty, bao gồm: Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng... thông qua việc giám sát chấp hành các quy định của pháp luật, thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, Đại hội cổ đông đề ra và có đánh giá, nhận xét như sau:

- Các cán bộ quản lý Công ty đều có trình độ năng lực, có phẩm chất đạo đức tốt, được đào tạo đầy đủ về chuyên môn nghiệp vụ, am hiểu về lĩnh vực được phân công phụ trách và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý, điều hành các dự án/doanh nghiệp lớn;

- Các cán bộ quản lý Công ty không vi phạm pháp luật, Điều lệ Công ty, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, triển khai kiểm soát tốt mọi hoạt động SXKD Công ty. Các văn bản quản lý nội bộ do Giám đốc Công ty ban hành không vượt quá thẩm quyền phù hợp với các chuẩn mực, quy định của pháp luật, nghị quyết, quyết định của HĐQT, Đại hội đồng cổ đông.

Ngoài việc giám sát cán bộ quản lý nói trên, trong quá trình hoạt động của mình, Hội đồng Quản trị Công ty đã thường xuyên nghiên cứu Quy chế quản trị Công ty theo mẫu của các cơ quan quản lý Nhà nước, tham khảo mô hình tổ chức và mô thức quản trị tiên tiến để xây dựng và cho áp dụng Quy chế quản trị nội bộ của Công ty nhằm từng bước chuẩn hóa công tác quản lý, điều hành, hạn chế những rủi ro trong hoạt động SXKD, đồng thời đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông và các nhà đầu tư cũng như các cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt được chức năng giám sát, thanh tra, kiểm soát.

*** Tóm lại:** Trong năm 2018, Hội đồng Quản trị Công ty đã cơ bản hoàn thành nhiệm vụ Đại hội cổ đông giao, các thành viên HĐQT đã phát huy hết khả năng, năng lực của mình, thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo tối đa lợi ích hợp pháp của Công ty, của cổ đông, đồng thời tuyệt đối trung thành, không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ, tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CỦA HĐQT CÔNG TY NĂM 2019

Trên cơ sở kế hoạch SXKD năm 2019 và nhiệm kỳ 2018 – 2023 được Đại hội đồng cổ đông 2019 giao và điều kiện sản xuất thực tế của Công ty, Hội đồng Quản trị Công ty đề ra mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể như sau:

A. Mục tiêu:

Nâng cao hiệu quả hoạt động, tối đa hoá các khoản lợi nhuận, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho cổ đông, đóng góp ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty lâu dài.

B. Nhiệm vụ.

1. Tiếp tục tập trung mọi nguồn lực để hoàn thành nhiệm vụ Đại hội cổ đông giao, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án xuống sâu khai thác hầm lò mỏ than Mông Dương để duy trì SX cho các năm tiếp theo.

2. Tiếp tục sắp xếp hoàn thiện mô hình tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời thực hiện phương án tái cấu trúc để phù hợp theo chủ trương, hướng dẫn của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

3. Triển khai thực hiện cơ chế tuyển dụng, thu hút, tuyển dụng nguồn nhân lực đáp ứng kịp thời quá trình phát triển lâu dài bền vững của Công ty.

4. Rà soát và sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý nội bộ của Công ty theo đúng quy định của pháp luật... Tăng cường tính minh bạch thông tin, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, cơ giới hóa lò chợ, tự động hóa vào sản xuất để sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tiết kiệm vật tư, nâng cao năng suất lao động, tăng cường quản trị tài nguyên, quản trị chi phí...

5. Giữ vững an ninh trật tự, bảo vệ tốt tài nguyên, ranh giới mỏ. Thực hiện tốt hơn nữa công tác an toàn bảo hộ lao động theo hướng đảm bảo thực sự khắc phục được triệt để các rủi ro, nguy cơ, nguyên nhân nhằm giảm thiểu tai nạn lao động một cách vững chắc.

6. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền trong và ngoài Công ty để kịp thời phản ánh chân thực, khách quan các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để người lao động, cổ đông của Công ty nói riêng và các cấp chính quyền, Tập đoàn nói chung thấu hiểu, đồng thuận chia sẻ.

7. Tiếp tục chỉ đạo, quan tâm đến công tác môi trường. Duy trì và phát triển văn hóa, thương hiệu của Công ty theo hướng hiện đại gắn với truyền thống kỷ luật đồng tâm, vượt khó, tăng cường mở rộng mối quan hệ với các cấp chính quyền địa phương góp phần xóa đói, giảm nghèo, phát triển nguồn nhân lực, bình đẳng giới, bảo tồn văn hóa bản địa, giữ vững an ninh quốc phòng, an ninh trật tự xã hội trên địa bàn Phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

8. Không ngừng củng cố xây dựng hệ thống chính trị: Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Cựu chiến binh tạo sức mạnh tổng hợp xây dựng Công ty ngày càng vững mạnh.

Trên đây là toàn bộ nội dung Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2018, Hội đồng Quản trị Công ty xin báo cáo Quý vị cổ đông.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- GD, Các PGD, KTT (ecopy);
- Cổ đông của Công ty;
- Văn phòng (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Phạm Công Hương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT NĂM 2018
Đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán PKF Việt Nam

**A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ
TOÁN**

TT	Nội dung	Mã số	Số dư đầu kỳ (01/01/2018)	Số dư cuối kỳ (31/12/2018)
I	Tài sản ngắn hạn	100	371.461.747.286	467.056.070.757
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3.495.525.272	2.414.964.910
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	12.425.430.000	6.539.700.000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	315.126.343.152	410.432.710.938
4	Hàng tồn kho	140	29.290.197.149	34.150.391.644
5	Tài sản ngắn hạn khác	150	11.124.251.713	13.518.303.265
II	Tài sản dài hạn	200	949.039.171.416	959.520.170.238
1	Các khoản phải thu dài hạn	210	20.160.695.141	24.541.280.463
2	Tài sản cố định	220	565.952.044.052	569.973.598.854
	- Tài sản cố định hữu hình	221	565.952.044.052	569.242.933.799
	- Tài sản cố định thuê tài chính	224		
	- Tài sản cố định vô hình	227		730.665.055
3	Bất động sản đầu tư	230		
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240	8.165.012.040	16.967.398.829
5	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	0	0
6	Tài sản dài hạn khác	260	354.761.420.183	348.037.892.092
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (I+II)	270	1.320.500.918.702	1.426.576.240.995
III	Nợ phải trả	300	1.084.653.956.411	1.186.793.839.785
1	Nợ ngắn hạn	310	535.425.804.330	713.981.015.770
2	Nợ dài hạn	330	549.228.152.081	472.812.824.015
IV	Nguồn vốn chủ sở hữu	400	235.846.962.291	239.782.401.210
1	Vốn chủ sở hữu	410	229.341.044.114	239.782.401.210
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	214.183.460.000	214.183.460.000

	- Thặng dư vốn cổ phần	412	0	0
	- Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		
	- Vốn khác của chủ sở hữu	414	0	0
	- Cổ phiếu quỹ	415		
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		
	- Quỹ đầu tư phát triển	418	3.850.147.787	3.850.147.787
	- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	0	0
	- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	420		
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	11.307.436.327	21.748.793.423
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	0	0
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	6.505.918.177	0
-	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (III+IV)	440	1.320.500.918.702	1.426.576.240.995

B. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm trước	Năm nay
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1.444.346.612.605	1.957.178.368.772
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	0	0
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	1.444.346.612.605	1.957.178.368.772
4	Giá vốn hàng bán	11	1.228.557.989.853	1.740.492.630.571
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	215.788.622.752	216.685.738.201
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	598.270.886	626.678.997
7	Chi phí tài chính	22	58.469.907.361	71.795.972.544
	Trong đó: chi phí lãi vay	23	61.828.196.331	65.910.242.544
8	Chi phí bán hàng	25	14.123.957.528	18.612.137.993
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	122.704.507.828	97.563.856.995
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	21.088.520.921	29.340.449.666
11	Thu nhập khác	31	555.496.709	829.508.474
12	Chi phí khác	32	2.338.340.968	212.956.110
13	Lợi nhuận khác	40	(1.782.844.259)	616.552.364

14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	19.305.676.662	29.957.002.030
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	7.998.240.335	7.533.977.344
16	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		674.231.263
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	11.307.436.327	21.748.793.423
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	528	1,015

C. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

ST T	Chỉ tiêu	ĐV T	Năm trước	Năm nay
1	Cơ cấu tài sản			
	Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	%	71,87	67,26
	Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	%	28,13	32,74
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	82,14	83,19
	Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	17,86	16,81
3	Tỷ suất lợi nhuận			
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	%	0,86	1,52
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	0,78	1,11
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn chủ sở hữu	%	4,93	9,07
4	Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	lần	4,73	4,95
5	Hệ số thanh toán nợ đến hạn	lần	0,69	0,65

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Phạm Cẩm Hải



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quế Thanh

Số: 796 /TTr - TMD

Quảng Ninh, ngày 26 tháng 4 năm 2019

TỜ TRÌNH

**V.v Phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2018;
Kế hoạch lợi tức năm 2019 - Công ty CP Than Mông Dương – Vinacomin**

Căn cứ vào Điều lệ và Quy chế Tài chính Công ty cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin. Công ty đề nghị Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam được phân phối cổ tức năm 2018 theo tỷ lệ sau:

STT	Nội dung	Tỷ lệ	Số tiền (đồng)
1	Tổng lợi nhuận trước thuế:		29.957.002.030
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp		8.208.208.607
	Trong đó: Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		674.231.263
3	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	1'- 2	21.748.793.423
a	Chia cổ tức năm 2018	6%*VĐL	12.851.007.600
b	Lợi nhuận còn lại sau khi trả cổ tức	3-a	8.897.785.823
b.1	Quỹ thưởng ban điều hành:	1,5 Tháng lương BQ	357.431.250
b.2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi:	b-b.1	8.540.354.573
	Trong đó:		
b.2.1	Quỹ Khen thưởng (50%)	50%*b.2	4.270.177.287
b.2.2	Quỹ Phúc lợi (50%)	b.2- b.2.1	4.270.177.286

Tổ chức chi trả cổ tức năm 2018: Thời điểm chốt danh sách cổ đông và chi trả cổ tức bằng tiền cho các cổ đông vào cuối quý II năm 2019. Đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị tổ chức hoàn tất thủ tục và chi trả theo Luật Chứng khoán và Luật Kế toán Tài chính hiện hành.

Kế hoạch trả cổ tức năm 2019: Mức trả cổ tức dự kiến: 6%, phần đầu 8% trên vốn điều lệ. Mức cổ tức chi trả thực tế của năm 2019 sẽ được biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông năm 2020 trên cơ sở kết quả SXKD năm 2019.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- GD, Các PGD, KTT (ecopy);
- Cổ đông của Công ty;
- Văn phòng (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phạm Công Hương

Số: **995** /BC-TMD

Quảng Ninh, ngày **26** tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO

Về việc: Chi trả tiền lương đối với người quản lý,
thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát không chuyên trách

1. Chi trả tiền lương đối với người quản lý, thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát không chuyên trách năm 2018

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Than Mông Dương – Vinacomin năm 2018; Căn cứ kết quả thanh quyết toán chi phí năm: Mức tiền lương đối với người quản lý, thù lao Hội đồng quản trị, ban Kiểm soát không chuyên trách năm 2018 của Công ty được chi trả như sau:

DVT: Triệu đồng

STT	Chức danh	Số người	Tổng số	Trong đó:		Ghi chú
				Lương	Thù lao	
1	Hội đồng Quản trị	5	281,8		281,8	
2	Ban Kiểm soát	3	138,6		138,6	
3	Ban Giám đốc	7	2.859	2.859		
	Tổng số		3.279,4	2.859	420,4	

2. Đề xuất mức tiền lương đối với người quản lý và thù lao Hội đồng quản trị, ban Kiểm soát, Thư ký công ty năm 2019 như sau:

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Căn cứ kế hoạch SXKD của Công ty năm 2018 và hiện nay Công ty đang thực hiện đồng thời 02 nhiệm vụ chiến lược: Vừa sản xuất và khai thác than hầm lò, và khai thác than lộ thiên. Do đó, Hội đồng quản trị Công ty đề nghị áp dụng hướng dẫn của Nghị định 52/2016/NĐ-CP và thực hiện các văn bản hướng dẫn của TKV: Công văn số 1964/TKV-LĐTL ngày 08/04/2014; Công văn số 6736/TKV-KH ngày 24/12/2018; Quyết định số 279/QĐ-TKV ngày 23/2/2017 của TKV để xây dựng mức lương đối với người quản lý quản lý, mức thù lao Hội đồng quản trị, ban Kiểm soát, Thư ký công ty dự kiến như sau:

DVT: Triệu đồng


STT	Chức danh	Số người	Tổng số (Trđ)	Trong đó:		Ghi chú
				Lương	Thù lao	
1	Hội đồng Quản trị	05	285,6		285,6	
-	Chủ tịch HĐQT	01	64,8		64,8	
-	Ủy viên HĐQT	04	220,8		220,8	
2	Ban Kiểm soát	03	156,0		156,0	
-	Trưởng ban kiểm soát (kiêm nhiệm), xếp bậc 2/2 thang bảng lương của TKV.	01	55,2		55,2	
-	UV Ban kiểm soát	02	100,8		100,8	
3	Ban Giám đốc	07	2.916	2.916		
4	Thư ký Công ty	1	50,4		50,4	
	Tổng số		3.408	2.916	492,0	

• **Phương thức chi trả:**

- Tiền lương, thù lao tháng = Tiền lương, thù lao năm /12 tháng;
- Hằng tháng các thành viên HĐQT, BKS, BGĐ Công ty được tạm ứng 80% mức tiền lương, thù lao tháng; Số còn lại được quyết toán vào cuối năm trên cơ sở kết quả SXKD của Công ty.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- GĐ, Các PGĐ, KTT (ecopy);
- Cổ đông của Công ty;
- Văn phòng (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 
CHỦ TỊCH



Phạm Công Hương

Số: 399/BC-TMD

Quảng Ninh, ngày 26 tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
Về việc giám sát công tác quản lý Công ty của HĐQT
và Ban Giám đốc điều hành năm 2018

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam ban hành kèm theo Nghị định số 105/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 08 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 24/4/2018;

Căn cứ Kế hoạch số: 294/KH-TMD, ngày 01 tháng 3 năm 2019 của HĐQT Công ty CP than Mông Dương-Vinacomin;

Ban Kiểm soát Công ty xin được báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả thực hiện công tác giám sát quản lý Công ty của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty trong năm 2018 như sau:

I. HÌNH THỨC, HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT:

1. Ban Kiểm soát Công ty thường xuyên giám sát các hoạt động của HĐQT Công ty thông qua việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Quy chế hoạt động của HĐQT; Các Nghị quyết, Quyết định do HĐQT Công ty ban hành;

2. Ban Kiểm soát giám sát hoạt động của Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác thông qua việc thực hiện hợp đồng giao nhận thầu khai thác, sàng tuyển than giữa Giám đốc Công ty và Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, việc thực hiện Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội Đồng quản trị; các Quyết định của Giám đốc trong các lĩnh vực thuộc quyền hạn của Giám đốc được quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Kiểm soát tình hình hoạt động SXKD của Công ty, kiểm soát các báo cáo tài chính quý, 6 tháng và năm.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT :

1. Về hoạt động của HĐQT

Ban Kiểm soát đã xem xét báo cáo hoạt động năm 2018 của HĐQT và nhất trí với các nội dung của báo cáo này, kết hợp với việc giám sát của Ban kiểm soát, có một số đánh giá như sau:

- HĐQT Công ty đã thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT. Thực hiện chức năng quản lý Công ty thông qua việc ban hành Nghị quyết, Quy chế, Quyết định, Quy định và tổ chức kiểm tra việc thực hiện.

- Năm 2018, Hội đồng Quản trị đã thực hiện 24 lần tổ chức họp và lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành 24 Nghị quyết liên quan đến các công việc chủ yếu trong 07 lĩnh vực quản lý, điều hành sau: Giám sát, quản lý điều hành SXKD...; Đầu tư – Xây dựng, Dự án hầm lò; Tổ chức sản xuất, quản lý cán bộ; Lao động tiền lương, chế độ chính sách...; Quản lý tài chính; Ban hành các quy chế quản lý nội bộ; Đại hội cổ đông, thực hiện quyền cổ đông.

- Về sắp xếp, tinh gọn bộ máy tổ chức: Thực hiện QĐ 493/QĐ-TKV, Công ty sắp xếp mô hình tổ chức sản xuất với 14 phòng + 01 trạm (Giảm Từ 15 phòng xuống còn 14 phòng; giảm 01 phòng TPK sáp nhập vào phòng BQ), 25 phân xưởng (từ 27-:-25) Công ty đã hoàn thiện sắp xếp lại mô hình tổ chức sản xuất: cơ cấu lại các công trường, phân xưởng phòng ban theo Quyết định số 2799/QĐ-TKV ngày 31/12/2015 về hướng dẫn định biên lao động theo mô hình mẫu, cụ thể như sau:

- *Bộ máy điều hành của Công ty gồm 07 người: 01 Giám đốc; 05 Phó giám đốc; 01 Kế toán trưởng.*

- *Các phòng chức năng: 13 phòng + 01 trạm Y tế*

- *Các phân xưởng sản xuất, phục vụ gồm: 23 phân xưởng (09 Phân xưởng khai thác, 05 Phân xưởng đào lò, 02 Phân xưởng vận tải lò, 01 Phân xưởng Thông gió thoát nước, 01 Phân xưởng Năng lượng, 01 Phân xưởng VTMB, 01 Phân xưởng Chế biến than, 01 Phân xưởng Cơ khí, 01 Phân xưởng Phục vụ sản xuất, 01 Phân xưởng Phục vụ đời sống)*

- *Các tổ chức Đảng, Đoàn thể gồm: Đảng uỷ, Công đoàn; Đoàn Thanh niên, Nữ công Công ty chuyên trách và Hội Cựu chiến binh cán bộ kiêm nhiệm.*

- Về bố trí, sử dụng lao động: Tiết giảm lao động PVPT và lao động quản lý, bố trí lao động phù hợp với điều kiện sản xuất thực tế của Công ty. Mục đích nâng cao năng suất lao động, ổn định thu nhập cho người lao động....

- HĐQT Công ty đã ban hành Quyết định điều chỉnh Kế hoạch Đầu tư và xây dựng cơ bản phù hợp với thông báo điều chỉnh Kế hoạch Đầu tư xây dựng cơ bản của TKV.

- HĐQT đã tập trung sự lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện tốt các lĩnh vực quản lý, điều hành sản xuất, nhất là công tác chuẩn bị và tổ chức sản xuất nên đã tạo sự ổn định đồng bộ trong SXKD, phù hợp với tình hình thực

tiền. Kiểm soát chặt chẽ chi phí trong sản xuất cũng như kỹ thuật công nghệ khai thác than đã đem lại hiệu quả thiết thực.

- Các uỷ viên HĐQT là những người có năng lực quản lý và có tư cách đạo đức tốt; Trong năm 2018 các thành viên đã làm việc khẩn trương, năng động, sáng tạo, có hiệu quả, thể hiện được tinh thần trách nhiệm đối với Công ty và đối với các cổ đông.

2. Về hoạt động quản lý điều hành của Giám đốc Công ty

Giám đốc Công ty đã trực tiếp điều hành hoạt động SXKD theo chức năng và nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, cụ thể:

- Kịp thời triển khai nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và hợp đồng phối hợp kinh doanh giữa Tập đoàn TKV với Công ty;

- Kịp thời đề xuất với HĐQT những giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý Công ty. Chủ động xây dựng và ban hành các văn bản quản lý khác trong Công ty thuộc thẩm quyền;

- Trực tiếp thay mặt Công ty ký các hợp đồng lao động, tín dụng, kinh tế và thương mại đảm bảo đúng chế độ quy định, đúng pháp luật;

- Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và bổ nhiệm cán bộ được thực hiện đúng quy trình;

- Công tác bổ nhiệm và bổ nhiệm lại cán bộ điều hành, tuyển dụng lao động được thực hiện dân chủ, công khai và minh bạch. Công tác quản lý tiền lương, tiền thưởng,..., được thực hiện đúng Quy chế, quy định Công ty và các văn bản hướng dẫn của Tập đoàn;

- Thực hiện tốt nghĩa vụ với Nhà nước. Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Công tác an ninh trật tự, an toàn xã hội được đảm bảo;

- Tổ chức thực hiện tốt công tác ĐT-XDCB theo phân cấp, các thủ tục đầu tư, quyết định đầu tư, thực hiện đầu tư đúng chế độ, đúng quy định;

- Chủ động điều hành hoạt động SXKD hằng ngày bằng cơ chế chính sách và giải pháp đồng bộ từ Công ty đến các đơn vị phòng ban, phân xưởng;

- Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả kế hoạch SXKD của Công ty, hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu SXKD năm 2018

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	So sánh %
1	Bốc xúc đất đá	10^3 m^3	2.011	2.041	132
-	Đất sản xuất	"	2.011	2.041	132
-	Đất đá xúc lại bãi thải	"	0	-	-
2	Đào lò tổng số	Mét	15.850	15.880	100,2
-	Đào lò XD CB	"	0	0	0
-	Lò CBSX	"	15.850	15.880	100,2

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	So sánh %
3	Than NK sản xuất	10 ³ Tấn	1.450	1.524	105
-	Than lộ thiên	"	150	187	125
-	Than hầm lò	"	1.300	1.337	103
4	Than sạch SX	10 ³ Tấn	1.248	215,5	122,5
-	Than sạch từ than NK	"	176	214,3	121,8
-	Than sạch từ SPNT	"	0	1,2	
5	Than tiêu thụ	10 ³ Tấn	1.426	1.473	103,3
6	Giá trị ĐTXD	Tỷ đồng	188	151	80,04
7	Doanh thu tổng số	Tỷ đồng	1.858,4	1.958,6	105,4
8	Lợi nhuận tổng số	Tỷ đồng	22,9	29,9	130,5
9	Lao động	Người	3.491	3.367	96,4
10	Tiền lương bình quân	10 ³ đ/ng.th	12,337	13,024	105,6
11	Cổ tức	%	4-:-8	6	150

***Tóm lại:** Trong năm 2018, HĐQT, Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác trong Công ty đã bám sát kế hoạch SXKD mà nghị quyết Đại hội cổ đông đề ra. Kết quả kinh doanh năm 2018 Công ty đã đạt lợi nhuận trước thuế tổng số 29,9 tỷ đồng. Đời sống người lao động ổn định thông qua thu nhập tiền lương bình quân đạt 105,6% kế hoạch, việc làm và thu nhập cho người lao động được đảm bảo. Năm 2018 tỷ lệ chia cổ tức đạt 150% kế hoạch.

Năm 2018, Ban Kiểm soát đã cố gắng để hoàn thành chức năng, nhiệm vụ của mình theo quy định của Điều lệ Công ty. Đạt được kết quả trên ngoài sự nỗ lực của từng thành viên, Ban kiểm soát còn nhận được sự ủng hộ của HĐQT, Ban Giám đốc, sự phối hợp của các phòng ban trong Công ty và của các cổ đông. Ban Kiểm soát xin trân trọng cảm ơn sự phối hợp đó, mong muốn trong năm 2018 và các năm tiếp theo của nhiệm kỳ Ban kiểm soát sẽ tiếp tục nhận được sự ủng hộ và hợp tác hơn nữa để hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình. Chúng tôi xin hứa sẽ cố gắng hơn để hoàn thành nhiệm vụ, luôn vì lợi ích của Công ty và quyền lợi của các cổ đông.

Nhân dịp Đại hội đồng Cổ đông, thay mặt các thành viên Ban Kiểm soát Công ty, Tôi xin chúc sức khỏe các Quý cổ đông.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- Giám đốc, các PGĐ (ecopy);
- Các đơn vị, phòng ban (ecopy);
- Các cổ đông Công ty;
- P. ĐK (Đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký Công ty.

**TM BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thị Tâm

Số: *JB* /BC-TMD

Quảng Ninh, ngày *26* tháng *5* năm 2019

BÁO CÁO
Về việc thẩm định Báo cáo tài chính năm 2018
của Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 24/4/2018; Căn cứ quy chế Tổ chức và Hoạt động Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin, Ban Kiểm soát xin được báo cáo trước Quý vị cổ đông về việc thẩm định Báo cáo tài chính năm 2018 như sau:

- Ban Kiểm soát Công ty thống nhất xác nhận số liệu tại Báo cáo kết quả SXKD và Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF.

- Ban Kiểm soát Công ty xét thấy phương pháp thực hiện kiểm toán, các chuẩn mực kiểm toán của Công ty Kiểm toán cũng như các chuẩn mực kế toán và chế độ tài chính Công ty áp dụng trong Báo cáo Tài chính năm 2018 của Công ty đã đảm bảo đúng nguyên tắc, đúng chế độ quy định. Báo cáo tài chính đã kiểm toán phản ánh minh bạch, trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào thời điểm ngày 31/12/2018 cũng như kết quả kinh doanh và các dòng luân chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày.

- Công tác hạch toán đảm bảo không có sai sót trọng yếu, thời gian lập và gửi báo cáo Tài chính các quý và năm kịp thời, đúng mẫu biểu quy định.

- Mở sổ và ghi chép số liệu kế toán rõ ràng, thống kê đầy đủ, lưu trữ chứng từ khoa học, đúng quy định. Thực hiện công tác kiểm kê tài sản, tiền mặt tồn quỹ, hàng hóa, vật tư, thành phẩm tồn kho, công nợ phải thu, phải trả, đối chiếu công nợ... theo đúng hướng dẫn của Tập đoàn.

- Ban Kiểm soát Công ty nhất trí với các số liệu Báo cáo kết quả hoạt động SXKD của Công ty cũng như nhận xét của Kiểm toán viên đưa ra trong Báo cáo kiểm toán qua một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu SXKD chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	So sánh %
1	Bốc xúc đất đá	10^3 m^3	2.011	2.041	132
-	Đất sản xuất	"	2.011	2.041	132
-	Đất đá xúc lại bãi thải	"	0	-	-
2	Đào lò tổng số	Mét	15.850	15.880	100,2
-	Đào lò XDCB	"	0	0	0
-	Lò CBSX	"	15.850	15.880	100,2
3	Than NK sản xuất	10^3 Tấn	1.450	1.524	105
-	Than lộ thiên	"	150	187	125
-	Than hầm lò	"	1.300	1.337	103
4	Than sạch SX	10^3 Tấn	1.248	215,5	122,5
-	Than sạch từ than NK	"	176	214,3	121,8
-	Than sạch từ SPNT	"	0	1,2	

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	So sánh %
5	Than tiêu thụ	10 ³ Tấn	1.426	1.473	103,3
6	Giá trị ĐTXD	Tỷ đồng	188.181	150.630	80,04
7	Doanh thu tổng số	Tỷ đồng	1.858,4	1.958,6	105,4
8	Lợi nhuận tổng số	Tỷ đồng	22,9	29,9	130,5
9	Lao động	Người	3.491	3.367	96,4
10	Tiền lương bình quân	10 ³ đ/ng.th	12,337	13,024	105,6
11	Cổ tức	%	4-:-8	6	150

2. Về cơ cấu tài chính:

- Hệ số nợ phải trả/Tổng nguồn vốn = 83,19% tăng 1,05% so với năm 2017, năm 2017 là 82,14%;
- Hệ số nợ phải trả/Vốn CSH = 4,95 lần tăng 0,22 lần so với năm 2017, năm 2017 là 4,73 lần.

3. Về khả năng thanh toán:

- Hệ số thanh toán tổng quát 1,20 giảm 0,01 lần so với năm 2017, năm 2017 là 1,21;
- Hệ số khả năng thanh toán hiện thời = 0,65% giảm 0,04% so với năm 2017, năm 2017 là 0,69%;
- Hệ số khả năng thanh toán nhanh = 0,61% giảm 0,03 % so với năm 2017, năm 2017 là 0,64%;

4. Về hiệu quả sử dụng vốn:

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần đạt: 1,11%;
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản đạt: 1,52%;
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu: 9,07 %;
- Khả năng bảo toàn vốn: Năm 2018 Công ty lãi 29.957 triệu đồng. Công ty đã trích lập dự phòng, mua bảo hiểm tài sản theo quy định. Công ty bảo toàn được vốn TKV giao.

Qua các số liệu trên cho thấy năm 2018 hoạt động SXKD của Công ty chủ yếu là vốn vay; Nợ phải trả chiếm 83,19 % tổng nguồn vốn và gấp 4,95 lần vốn chủ sở hữu; Về cơ cấu vốn Công ty đã dành cho đầu tư dài hạn 67,26% và đầu tư ngắn hạn 32,74%, khả năng thanh toán hiện thời giảm so với 31/12/2017, song vẫn nằm trong giới hạn cho phép. Tài sản đầu tư đã phát huy hiệu quả (1 đồng tài sản bỏ ra đã thu về 0,15 đồng lợi nhuận sau thuế). Tỷ suất lợi nhuận sau thuế đạt 9,07% vốn chủ sở hữu. Công ty đã bảo toàn và phát triển được vốn.

* Đánh giá chung kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018: Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

Kính trình các Quý vị cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- Giám đốc, các PGĐ (ecopy);
- Các đơn vị, phòng ban (ecopy);
- Các cổ đông Công ty;
- P. CV (Đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký Công ty.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Nguyễn Thị Tâm

Số: *792* /TTr-TMD

Quảng Ninh, ngày *26* tháng *4* năm 2019

TỜ TRÌNH

**Về việc: Lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập
kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty năm 2019**

Kính gửi: Quý vị cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 24/4/2018;

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát Công ty xin báo cáo trước Đại hội về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC năm 2019 của Công ty như sau:

1. Tên công ty kiểm toán: Công ty TNHH PKF Việt Nam;

2. Địa chỉ: Số 1 – Nguyễn Huy Tưởng – Phường Thanh Xuân Trung – Quận Thanh Xuân - TP Hà Nội

ĐT: +84 24 6664 4488 FAX: +84 24 6664 2233

Email: pkf.hcm@pkf.com.vn;

3. Nội dung kiểm toán: Kiểm toán Báo cáo Tài chính 6 tháng và năm 2019 của Công ty và kiểm toán theo yêu cầu khác.

4. Lý do lựa chọn:

Công ty TNHH PKF Việt Nam là một trong những Công ty kiểm toán độc lập được hội Kiểm toán Việt Nam (VACPA) xác nhận trong danh sách các đơn vị đăng ký hành nghề tư vấn và kiểm toán, được UBCK Nhà nước chấp thuận là tổ chức kiểm toán độc lập được kiểm toán cho các doanh nghiệp tại Quyết định số 1035/QĐ-UBCK ngày 20/11/2018 và Quyết định số 2155/QĐ-BTC ngày 15/11/2018 của Bộ Tài chính về việc chấp thuận cho doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2019.

Ban Kiểm soát Công ty xét thấy Công ty TNHH PKF Việt Nam là đơn vị có đủ năng lực cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán năm 2019 cho Công ty đảm bảo quy định theo Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành Luật Kiểm toán độc lập.

Ban Kiểm soát Công ty kính trình các Quý vị cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CD, ĐTN (ecopy);
- GĐ, Các PGĐ, KTT (ecopy);
- Cổ đông của Công ty;
- ĐK (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký Công ty.



Nguyễn Thị Tâm

Số 344/TTr-MDC

Quảng Ninh, ngày 26 tháng 4 năm 2019

TỜ TRÌNH

**Về việc: Về việc chấp thuận cho cổ đông Tập đoàn Công nghiệp
Than – Khoáng sản Việt Nam không phải thực hiện các thủ tục
chào mua công khai cổ phiếu Công ty (MDC)**

Kính gửi: Các Quý vị cổ đông

Ngày 18/3/2019, Công ty có nhận được công văn số: 1239/TKV-KTTC của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam "V/v xin ý kiến cổ đông về việc TKV tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin". Theo đó Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đề nghị Hội đồng quản trị Công ty tổ chức lấy ý kiến cổ đông Công ty để thông qua việc cổ đông Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) không phải thực hiện các thủ tục chào mua công khai cổ phiếu Công ty cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin khi TKV tăng tỷ lệ sở hữu của TKV lên 65 % vốn điều lệ của Công ty cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin. Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin, Hội đồng quản trị Công ty xin được báo cáo Đại hội như sau:

I. Sự cần thiết của việc tăng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam tại Công ty cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin

1. Thực hiện Quyết định số 314/QĐ - TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 07/02/2013 phê duyệt đề án tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam (TKV) giai đoạn 2012 - 2015 và thực hiện Quyết định số 2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam giai đoạn 2017 - 2020 thì TKV phải đảm bảo nắm giữ 65% vốn điều lệ đối với các công ty hoạt động trong lĩnh vực khai thác than. Vì vậy, TKV hiện đang có nhu cầu nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty để nâng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại Công ty lên 65%.

2. Công ty cổ phần Than Mông Dương- Vinacomin là công ty con của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và chính thức đi vào hoạt động mô hình Công ty cổ phần từ ngày 01/01/2007. Hoạt động của Công ty do Tập đoàn chi phối thông qua tỷ lệ nắm giữ 51% cổ phần chi phối tại Công ty, thông qua thương hiệu của Tập đoàn hoặc thông qua các quyền chi phối khác theo quy định của pháp luật và quy chế quản lý của Tập đoàn. Công ty thực

hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm theo cơ chế phối hợp kinh doanh giữa TKV và Công ty.

Tài nguyên, trữ lượng than do Công ty đang khai thác là tài sản thuộc sở hữu Nhà nước giao cho Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam là đại diện chủ sở hữu Nhà nước thống nhất quản lý và không tính vào giá trị tài sản của Công ty. Tập đoàn giao cho Công ty quản lý tài nguyên, trữ lượng than này và hàng năm Công ty khai thác than cho Tập đoàn theo Hợp đồng giữa Tập đoàn và Công ty. Ngoài ra, Công ty có trách nhiệm thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty con đối với Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam theo Điều lệ của Tập đoàn và các quy chế quản lý trong nội bộ Tập đoàn mà Công ty là một thành viên.

Việc tăng tỷ lệ sở hữu của TKV tại Công ty từ 54,03% lên mức 65% sẽ mang lại nhiều lợi ích cho Công ty trong hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh trong thời gian tới. Giai đoạn 2019-2021 được dự kiến là thời kỳ khó khăn của Công ty. Việc tăng vốn đầu tư của TKV tại Công ty sẽ gia tăng thêm hiệu quả đầu tư cho TKV. Mặt khác, sau khi nâng tỷ lệ sở hữu lên 65% vốn điều lệ của Công ty, Tập đoàn có toàn quyền quyết định trong việc phân phối lợi nhuận sau thuế, đảm bảo lợi tức cho các cổ đông (mà trong đó Tập đoàn là cổ đông lớn nhất), đóng góp cho Ngân sách nhà nước, đảm bảo quyền lợi cho người lao động và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Trên phương diện xã hội, việc Tập đoàn nâng tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ và trở thành cổ đông có quyền biểu quyết toàn bộ sẽ kiểm soát hoạt động kinh doanh, có tác động tích cực đối với các hoạt động văn hóa xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống an sinh xã hội trên địa bàn hoạt động kinh doanh của Công ty.

Từ những lý do trên, HĐQT Công ty nhận thấy: Việc TKV nhận chuyển nhượng cổ phần để tăng tỷ lệ sở hữu của TKV lên 65% vốn điều lệ của Công ty là phù hợp với chủ trương của Nhà nước và đem lại lợi ích cho Công ty.

II. Các quy định pháp lý liên quan đến việc tăng tỷ lệ sở hữu của TKV

Căn cứ tại Tiết 2, Khoản 11, Điều 1, Luật số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán còn quy định các trường hợp không phải thực hiện chào mua công khai bao gồm:

“a) Mua cổ phiếu, chứng chỉ quỹ mới phát hành dẫn đến việc sở hữu từ hai mươi lăm phần trăm trở lên cổ phiếu có quyền biểu quyết, chứng chỉ quỹ của một công ty đại chúng, quỹ đóng theo phương án phát hành đã được Đại hội đồng cổ đông công ty đại chúng, Ban đại diện quỹ đóng thông qua;

b) Nhận chuyển nhượng cổ phiếu có quyền biểu quyết, chứng chỉ quỹ dẫn đến việc sở hữu từ hai mươi lăm phần trăm trở lên cổ phiếu có quyền biểu quyết, chứng chỉ quỹ của một công ty đại chúng, quỹ đóng đã được Đại hội đồng cổ đông công ty đại chúng, Ban đại diện quỹ đóng thông qua;

c) Chuyển nhượng cổ phiếu giữa các công ty trong doanh nghiệp được tổ chức theo mô hình công ty mẹ, công ty con;

- d) Tặng, cho, thừa kế cổ phiếu;
- đ) Chuyển nhượng vốn theo quyết định của Tòa án;
- e) Các trường hợp khác do Bộ Tài chính quyết định.”

Như vậy Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam sẽ mua/nhận chuyển nhượng cổ phiếu của Công ty cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin (mã chứng khoán: MDC) để nâng tỷ lệ sở hữu của TKV tại Công ty lên 65% vốn điều lệ mà không phải làm thủ tục chào mua công khai theo quy định của pháp luật, trong trường hợp việc mua/nhận chuyển nhượng này được Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin thông qua.

III. Đề xuất của Hội đồng quản trị.

Căn cứ tình hình thực tế của Công ty và các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty chấp thuận và thông qua việc cổ đông (TKV) là Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam không phải thực hiện các thủ tục chào mua công khai cổ phiếu MDC khi TKV tăng tỷ lệ sở hữu của TKV từ 54,03% lên 65 % vốn điều lệ Công ty cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin. Cụ thể như sau:

- Phương thức mua: Mua khớp lệnh hoặc mua thỏa thuận hoặc theo quy định của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước mà không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

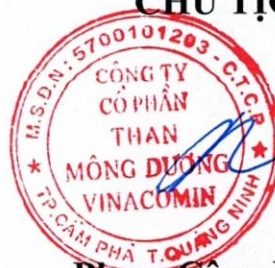
- Thời gian thực hiện: Sau khi được Đại hội đồng cổ đông năm 2019 Công ty cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin thông qua.

Kính trình Quý vị cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- GD, Các PGD, KTT (ecopy);
- Cổ đông của Công ty;
- Văn phòng (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phạm Công Hương

Quảng Ninh, ngày **26** tháng **4** năm 2019

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Than Mông Dương – Vinacomin

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Than Mông Dương – Vinacomin;
- Căn cứ công văn số: 1788/TKV-KS, ngày 11 tháng 4 năm 2019 của Tập đoàn CN Than- Khoáng sản Việt Nam V/v tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019;
- Căn cứ vào yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2019 và những năm tiếp theo;

Hiện tại Công ty Cổ phần than Mông Dương – Viancomin đang quản lý các trạm biến áp lấy nguồn từ Công ty Điện Lực Quảng Ninh như: Trạm biến áp 2x1800kVA 35/6kV và các trạm phân phối 6kV khu Trung Tâm và Đông Bắc Mông Dương lấy trực tiếp từ trạm biến áp TBA110/35/22(6)kV Mông Dương E5.1 nhằm cung cấp điện nội bộ cho việc sản xuất, chế biến than của Công ty.

Trong khu vực sản xuất của Công ty còn có một số đơn vị cùng phối hợp với Công ty để thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh như: Công ty TNHH 1TV 86, Công ty Xây lắp mỏ - TKV, Công ty CP Thương mại và CN máy công trình Thăng Long, Chi nhánh Tổng Công ty Viễn thông Mobiphone, Viettel... Theo đó để tạo điều kiện cho các đơn vị và Công ty hoàn thành kế hoạch do TKV giao, Công ty đã cung cấp điện cho các đơn vị trên sử dụng điện từ sau trạm biến áp và trạm phân phối của Công ty.

Để đảm bảo đúng qui định, Công ty Cổ phần Than Mông Dương – Vinacomin đã hoàn thiện các thủ tục hồ sơ về hoạt động điện lực, tuy nhiên theo yêu cầu thì Công ty Cổ phần Than Mông Dương – Vinacomin cần bổ xung ngành nghề “Truyền tải và phân phối điện” vào giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp Công ty cổ phần.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua nội dung sau:

Thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc tiếp theo để tiến hành các thủ tục đăng ký với Cơ quan đăng ký kinh doanh.

DANH MỤC NGÀNH NGHỀ BỔ SUNG

STT	Tên ngành, nghề	Mã ngành, nghề
1	Truyền tải và phân phối điện	3512

Kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- GD, Các PGD, KTT (ecopy);
- Cổ đông của Công ty;
- Văn phòng (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phạm Công Hương